

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN

Sinh viên :Đặng Thị Thanh Trang

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG - 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH THƯƠNG MẠI HOÀNG TÍN PHÁT**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN

Sinh viên :Đặng Thị Thanh Trang

Giảng viên hướng dẫn:Ths. Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đặng Thị Thanh Trang Mã SV:1512401017

Lớp: QT1903K Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày các cơ sở lý luận về tổ chức doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
 - Mô tả thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Hoàng Tín Phát.
 - Đưa ra được một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.
 - Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp.
 - Hệ thống sổ sách kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Hoàng Tín Phát, sử dụng số liệu năm 2018.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty TNHH Thương Mại Hoàng Tín Phát
 - Địa chỉ: 597 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Thảo

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Hoàng Tín Phát.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Đặng Thị Thanh Trang

Ths. Trần Thị Thanh Thảo

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: ***Th.S Trần Thị Thanh Thảo***
Đơn vị công tác: Khoa Quản trị kinh doanh
Họ và tên sinh viên: **Đặng Thị Thanh Trang- QT1903K; Chuyên ngành: KT - KT**
Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Hoàng Tín Phát
Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Hoàng Tín Phát

❖ **Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp**

- ✓ Có cố gắng sưu tầm lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ đề tài;
- ✓ Luôn hoàn thành tiến độ đã qui định;
- ✓ Có trách nhiệm với công việc được giao;

❖ **Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)**

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2019.
Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	1
1.1. Những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán doanh thu trong doanh nghiệp.....	1
1.1.1. Khái niệm, điều kiện ghi nhận doanh thu hoạt động (DTBH&CCDV, DTTC)	1
1.1.2. Một số khái niệm cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp.....	5
1.1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....	6
1.2. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT – BTC.	6
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	6
1.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	8
1.2.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	10
1.2.4. Kế toán thu nhập khác.....	13
1.2.5. Kế toán chi phí doanh nghiệp của công ty.....	15
1.2.2.1. Kế toán giá vốn bán hàng.....	15
1.2.2.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.	19
1.2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp.	21
1.2.2.4. Kế toán chi phí khác.....	23
1.2.3. Kế toán kết quả kinh doanh của toàn doanh nghiệp.	24
1.2.4. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán.....	28
CHƯƠNG 2 : THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HOÀNG TÍN PHÁT.	30
2.1. Giới thiệu về công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát.	30
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát.	30
2.1.2 Những thuận lợi và khó khăn của công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát.....	30
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát.	31

2.1.4. Đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát.	34
2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát.	35
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát.	35
2.2.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty.	35
2.2.1.2. Chứng từ kế toán sử dụng.	35
2.2.1.3. Sổ sách sử dụng.	36
2.2.1.4. Tài khoản sử dụng	36
2.2.1.5. Quy trình ghi sổ kế toán tại công ty.	36
2.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty thương mại Hoàng Tín Phát.	44
2.2.2.1 Chứng từ sử dụng.	44
2.2.2.2 Tài khoản sử dụng	44
2.2.2.3 Trình tự ghi sổ	44
2.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát.	49
2.2.3.1 Chứng từ kế toán	49
2.2.3.2 Sổ sách sử dụng	49
2.2.3.3 Tài khoản sử dụng	49
2.2.3.4 Quy trình hạch toán.	49
2.2.3.5. Phương pháp hạch toán.	49
2.2.4 Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát.	54
2.2.4.1 Chứng từ sử dụng	54
2.2.4.2 Tài khoản sử dụng	54
2.2.4.3 Trình tự hạch toán	54
2.2.4.4 Quy trình hạch toán.	54
2.2.5 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát.	64
2.2.5.1 Chứng từ sử dụng	64
2.2.5.2 Sổ sách sử dụng	64
2.2.5.3 Tài khoản sử dụng	64
2.2.5.4 Quy trình hạch toán	64

CHƯƠNG 3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM HOÀNG TÍN PHÁT	74
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát:.....	74
3.1.1. Ưu điểm.....	74
3.1.2. Hạn chế.....	76
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát:	76
KẾT LUẬN	83

LỜI MỞ ĐẦU

I. Tính cấp thiết của đề tài

Bán hàng được coi là một khâu hết sức quan trọng của toàn bộ hoạt động sản xuất và kinh doanh. Cho dù sản phẩm làm ra có tốt, rẻ và nhiều tiện ích nổi trội hơn so với các sản phẩm khác song nếu không được khách hàng biết đến và tin tưởng thì cũng sẽ không mang lại kết quả kinh doanh tốt cho doanh nghiệp. Đặc biệt hiện nay trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh hết sức khốc liệt, muốn tồn tại và không ngừng phát triển thì doanh nghiệp không những phải làm thỏa mãn tốt nhất mọi nhu cầu của khách hàng, mà còn phải luôn luôn chú ý nâng cao sức cạnh tranh của mình.

Để làm được điều đó điều trước tiên doanh nghiệp cần phải đánh giá được nhu cầu của thị trường cũng như khả năng đáp ứng những nhu cầu đó của chính doanh nghiệp. Vì vậy mà công tác kế toán về khâu doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh luôn là mối quan tâm hàng đầu của hầu hết các doanh nghiệp thương mại trong nền kinh tế thị trường như hiện nay.

Mục tiêu của một doanh nghiệp luôn là lợi nhuận, để có được lợi nhuận cao thì doanh thu thu về cũng như các chi phí phải bỏ ra phải hợp lý, doanh thu cao và chi phí thấp luôn là mục tiêu lý tưởng mà mỗi doanh nghiệp muốn đạt được. Các nhà quản lý muốn hướng tới mục tiêu đó thì trước tiên các kế toán phải phản ánh được nhanh chóng và chính xác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong kỳ, đảm bảo công tác kế toán không chỉ đầy đủ, kịp thời mà còn phải khoa học, đơn giản trong quá trình quản lý và theo dõi tạo điều kiện cho các nhà quản trị có thể ra các quyết định đúng đắn.

Vì vậy mà em đã chọn đề tài: "Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Hoàng Tín Phát". Chuyên đề thực tập tốt nghiệp gồm 3 chương:

II. Mục đích nghiên cứu của đề tài.

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Hoàng Tín Phát.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Hoàng Tín Phát.

III. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài.

- Đối tượng nghiên cứu: Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Phạm vi nghiên cứu: Tại Công ty TNHH Thương Mại Hoàng Tín Phát.

IV. Phương pháp nghiên cứu.

- Các phương pháp kế toán.
- Phương pháp thống kê và so sánh.
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu.

V. Bố cục của khóa luận.

Nội dung bài khóa luận gồm 3 chương :

Chương I: Lí luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương II: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Hoàng Tín Phát

Chương III: Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Hoàng Tín Phát

Vì thời gian thực tập tại Công ty chưa nhiều nên kiến thức thực tế còn hạn chế, em hi vọng những ý kiến trong bài sẽ đóng góp 1 phần nhỏ để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Thương Mại Hoàng Tín Phát.

Em xin chân thành cảm ơn !

CHƯƠNG I**LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP****1.1. Những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán doanh thu trong doanh nghiệp****1.1.1. Khái niệm, điều kiện ghi nhận doanh thu hoạt động (DTBH&CCDV, DTTC)**

- Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được trong kì kế toán, phát sinh từ các hoạt động SXKD thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu.

- Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” và các Chuẩn mực kế toán khác có liên quan.

- Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải theo nguyên tắc phù hợp. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó.

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa chỉ ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

+ DN đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

+ DN không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

+ DN đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

+ Xác định được chi phí liên quan để giao dịch bán hàng.

- Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

+ Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Trong DN xây lắp, doanh thu hợp đồng xây dựng bao gồm:

+ Doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng.

+ Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

- Doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ, ví dụ:

+ Nhà thầu và khách hàng có thể đồng ý với nhau về các thay đổi và các yêu cầu làm tăng hoặc giảm doanh thu của hợp đồng trong kỳ tiếp theo so với hợp đồng được chấp thuận lần đầu tiên.

+ Doanh thu đã được thoả thuận trong hợp đồng với giá cố định có thể tăng vì lý do giá cả tăng lên.

+ Doanh thu theo hợp đồng có thể bị giảm do nhà thầu không thực hiện đúng tiến độ hoặc không đảm bảo chất lượng xây dựng theo thoả thuận trong hợp đồng;

+ Khi hợp đồng quy định mức giá cố định cho một đơn vị sản phẩm hoàn thành thì doanh thu theo hợp đồng sẽ tăng hoặc giảm khi khối lượng sản phẩm tăng hoặc giảm.

- Khoản tiền thưởng là các khoản phụ thêm trả cho nhà thầu nếu nhà thầu thực hiện hợp đồng đạt hay vượt mức yêu cầu. Khoản tiền thưởng được tính vào doanh thu của hợp đồng xây dựng khi có đủ 2 điều kiện:

+ Chắc chắn đạt hoặc vượt mức một số tiêu chuẩn cụ thể đã được ghi trong hợp đồng.

+ Khoản tiền thưởng được xác định một cách đáng tin cậy.

- Mọi khoản thanh toán khác mà nhà thầu thu được từ khách hàng hay một bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá hợp đồng.

Ví dụ: Sự chậm trễ do khách hàng gây nên; Sai sót trong các chỉ tiêu kỹ thuật hoặc thiết kế và các tranh chấp về các thay đổi trong việc thực hiện hợp đồng.

Việc xác định doanh thu tăng thêm từ các khoản thanh toán trên còn tùy thuộc vào rất nhiều yếu tố không chắc chắn và thường phụ thuộc vào kết quả của nhiều cuộc đàm phán.

Do đó, các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu của hợp đồng xây dựng khi:

+ Các thoả thuận đã đạt được kết quả là khách hàng sẽ chấp thuận bồi thường;

+ Khoản thanh toán khác được khách hàng chấp thuận và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

- Ghi nhận doanh thu của hợp đồng xây dựng theo 1 trong 2 trường hợp sau:

+ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hoá đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hoá đơn là bao nhiêu.

+ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

+ Khi kết quả của hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng xây dựng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính** : Là DT tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và DT hoạt động tài chính khác của DN. Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

+ Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ; . . .

+ Cổ tức lợi nhuận được chia;

+ Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;

+ Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;

+ Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;

+ Lãi tỷ giá hối đoái của các hoạt động trong kỳ, lãi đánh giá ngoại tệ cuối kỳ, lãi đánh giá ngoại tệ được phân bổ sau khi hoạt động xây dựng cơ bản hoàn thành;

- + Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;
- + Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;
- + Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

❖ **Thu nhập khác**: Là khoản thu góp phần tăng vốn CSH từ hoạt động tạo ra doanh thu. Thu nhập khác bao gồm các khoản thu :

- + Thu về nhượng bán thanh lý tài sản
- + Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng
- + Thu tiền bảo hiểm được bồi thường
- + Thu được các khoản nợ phải trả không xác định được chủ
- + Các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại
- + Các khoản tiền thưởng của khách hàng
- + Thu nhập do nhận tặng, biếu bằng tiền, hiện vật của tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.

❖ **Các khoản giảm trừ doanh thu.**

Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp, được tính giảm trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần, làm cơ sở để tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

* Chiết khấu thương mại:

Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ) với lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số tiền chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua.

- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại thì giá bán trên hóa đơn là giá đã giảm (đã trừ chiết khấu thương mại), doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

* Giảm giá hàng bán:

Là giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp thuận một cách đặc biệt trên giá đã thoả thuận trên hoá đơn, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng .

* Hàng bán bị trả lại:

Là số sản phẩm, hàng hoá doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ, nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng kinh tế: như hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại. Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng , số lượng hàng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hoá đơn(nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hoá đơn(nếu trả lại một phần)

1.1.2. Một số khái niệm cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp.

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

* Phân loại chi phí:

- **Giá vốn hàng bán:** Là giá trị thực tế xuất kho của một số sản phẩm hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại, hoặc giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- **Chi phí quản lý kinh doanh:**

+ Chi phí bán hàng: Là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm chi phí nhân viên bán hàng, các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản đóng gói, vận chuyển...

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp: là toàn bộ các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất...

- **Chi phí tài chính:** là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp

- **Chi phí khác:** Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước như:

- + Chi phí thanh lý nhượng bán tài sản
- + Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có)
- + Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy thu thuế
- + Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hay bỏ sót khi ghi sổ kế toán
- + Các khoản chi phí khác .

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác

1.1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động trong doanh nghiệp trong một thời gian nhất định (tháng, quý, năm). Được biểu hiện bằng tiền phân chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của các hoạt động kinh tế đã được thực hiện. Đây là chỉ tiêu tổng hợp rất quan trọng để đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

Các xác định kết quả kinh doanh :

❖ **Doanh thu thuần**

= DT bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu.

❖ **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

= Doanh thu thuần – Giá vốn bán hàng.

❖ **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**

= Lợi nhuận gộp + Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí tài chính – Chi phí bán hàng - Chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT – BTC.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

❖ **Chứng từ kế toán**

+ Đơn đặt hàng

- + Hợp đồng kinh tế
- + Hóa đơn GTGT/ Hóa đơn bán hàng
- + Bản kê hàng gửi bán đã tiêu thụ
- + Các chứng từ thanh toán phiếu thu, giấy báo ngân hàng, séc chuyển khoản....

- + Các chứng từ khác có liên quan như : Hóa đơn vận chuyển, bóc dỡ, phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng trả lại.....

❖ Tài khoản sử dụng : TK 511 “DT bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong 1 kì kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và nghiệp vụ sau:

- Bán hàng hóa : Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và đầu tư bất động sản.

- Cung cấp dịch vụ : Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kì, nhiều kì kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động.

Tài khoản này gồm 6 tài khoản cấp 2 như sau :

- Tài khoản 5111 – “Doanh thu bán hàng hóa”
- Tài khoản 5112 – “Doanh thu bán thành phẩm”
- Tài khoản 5113 – “Doanh thu cung cấp dịch vụ”
- Tài khoản 5114 – “Doanh thu trợ cấp, trợ giá”
- Tài khoản 5117 – “Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư”
- Tài khoản 5118 – “Doanh thu khác”.

Kết cấu TK 511: (TK 511 không có số dư cuối kỳ)

Bên nợ:

- + Số thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa hoặc dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- + Số thuế GTGT của DN nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- + DT của hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.

- + Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.

- + Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.

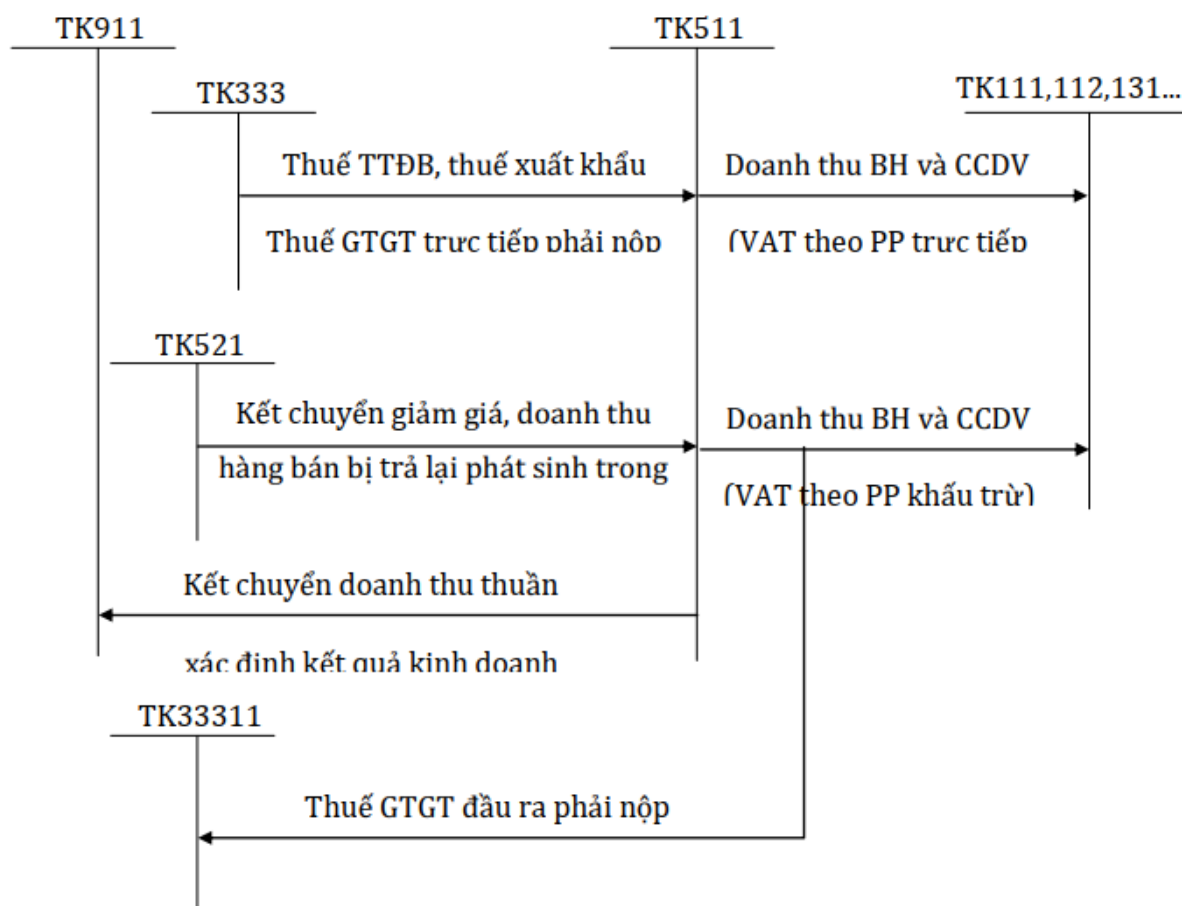
- + Kết chuyển DT thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

+ Doanh thu bán sản phẩm, công trình XD/CB, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của DN thực hiện trong kỳ kế toán. (Ghi theo hóa đơn bán hoặc chứng từ khác đáng tin cậy-Hợp đồng xây lắp thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng) TK 511 không có số dư cuối kỳ.

+ Các khoản doanh thu trợ giá, phụ thu mà doanh nghiệp được hưởng.

Phương pháp hạch toán :



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

❖ Chứng từ sử dụng :

- Phiếu thu,
- Giấy báo có của Ngân hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan....

❖ Tài khoản sử dụng : TK 515 – “Doanh thu hoạt động tài chính”

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của danh nghiệp

Kết cấu TK 515: (TK 515 không có số dư cuối kỳ)

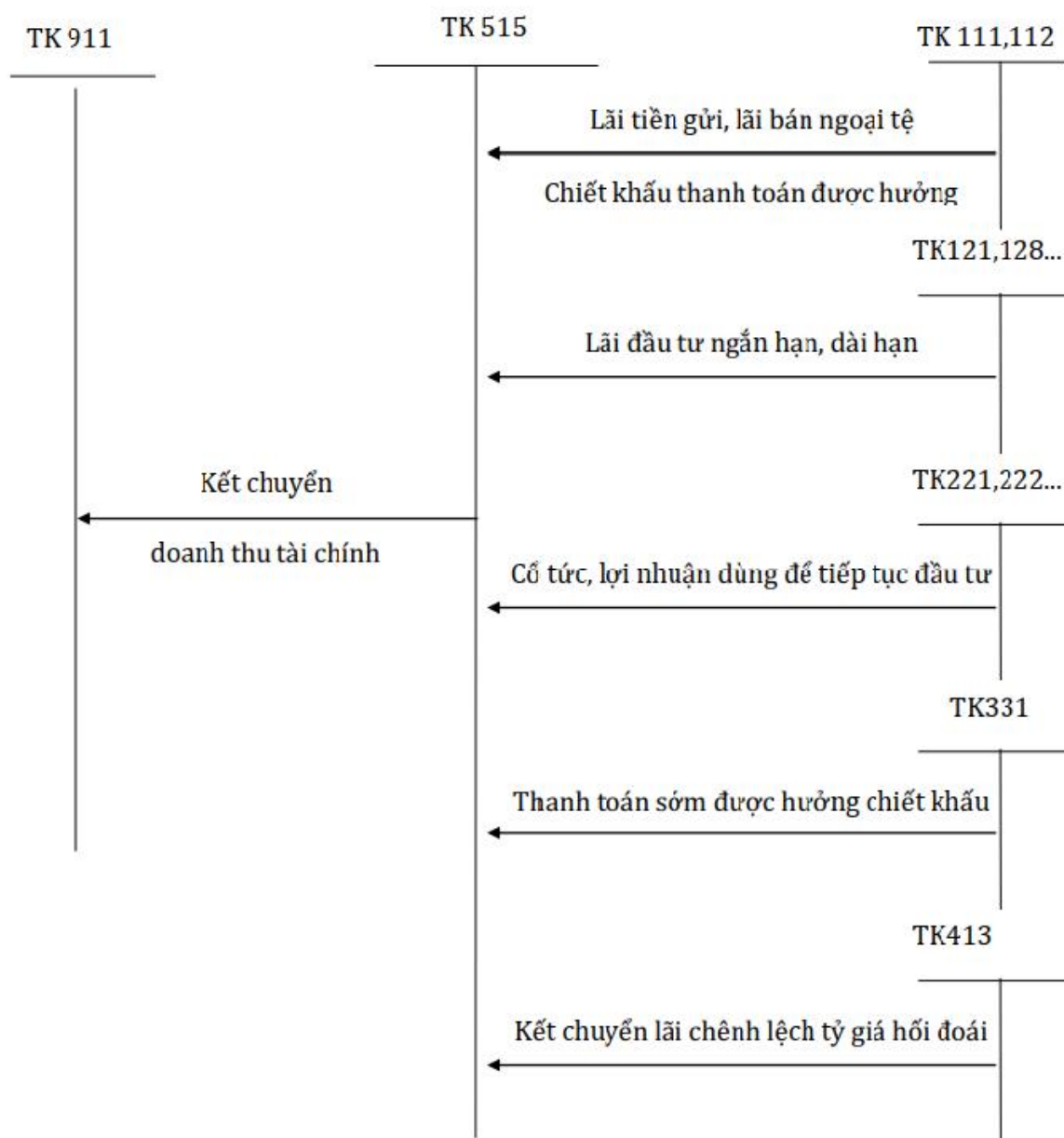
Bên nợ:

- + Số thuế GTGT theo phương thức trực tiếp (nếu có)
- + Cuối kỳ kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Bên có:

- + Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- + Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- + Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- + Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- + Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.
- + Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư và hoạt động doanh thu tài chính.
- + Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ

Phương pháp hạch toán

**Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính****1.2.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.**❖ Chứng từ sử dụng :

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan....

❖ Tài khoản sử dụng :**a. TK 5211 – “Chiết khấu thương mại”**

- Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng mua với số lượng lớn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ và thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại mà hai bên đã thống nhất ghi trong hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán.

- Chỉ hạch toán vào tài khoản này là chiết khấu thương mại người mua được hưởng đã thực hiện trong kỳ theo đúng mức chiết khấu thương mại của doanh nghiệp đã quy định.

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần đạt tới số lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thương mại, thì khoản chiết khấu này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

- Trường hợp người mua hàng với số lượng lớn được hưởng CKTM, giá bán phản ánh trên hóa đơn vào TK 5211. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ khoản CKTM.

Kết cấu TK 5211: (TK 5211 không có số dư cuối kỳ)

Bên nợ:

+Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng,

Bên có:

+ Kết chuyển chiết khấu thương mại sang TK 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ kế toán.

b. TK 5212 – “Hàng bán bị trả lại”

- Tài khoản này dùng để phản ánh khoản doanh số sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân (kém phẩm chất, quy cách...) được doanh nghiệp chấp nhận.

- Chỉ hạch toán vào tài khoản này khi hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do hàng bị trả lại, số lượng hàng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hóa đơn (nếu trả lại một phần hàng). Và kèm theo chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng bị trả lại trên.

Kết cấu TK 5212: (TK 5212 không có số dư cuối kỳ)

Bên nợ:

+Doanh thu của số hàng đã tiêu thụ bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa bán ra.

Bên có:

+ Kết chuyển doanh thu của số hàng đã tiêu thụ bị trả lại trừ vào doanh thu trong kỳ (TK 511) .

c.TK 5213 – “Giảm giá hàng bán”

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ hạch toán được người bán chấp nhận giá thỏa thuận.

Chỉ phản ánh vào tài khoản 5213 các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá ngoài hóa đơn, tức là khi đã có hóa đơn bán hàng.

Kết cấu TK 5213 : (TK 5213 không có số dư cuối kỳ)

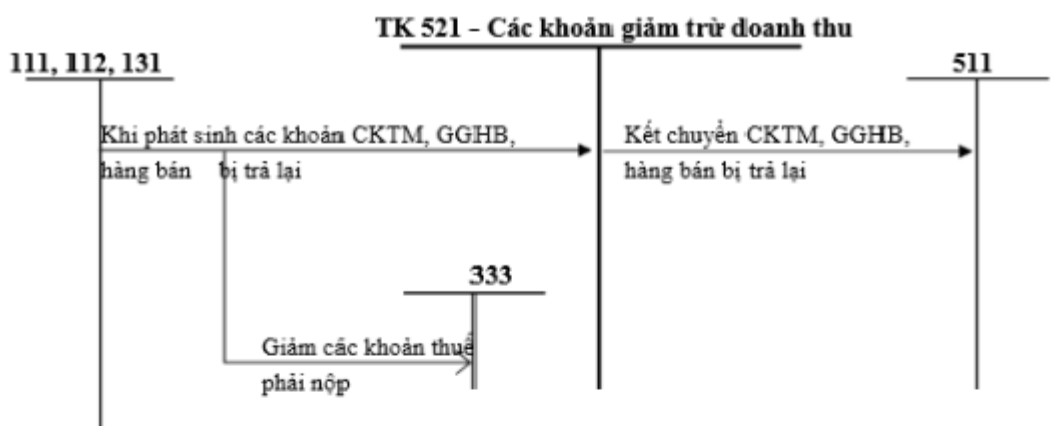
Bên nợ:

+Các khoản giảm giá hàng bán được chấp thuận,

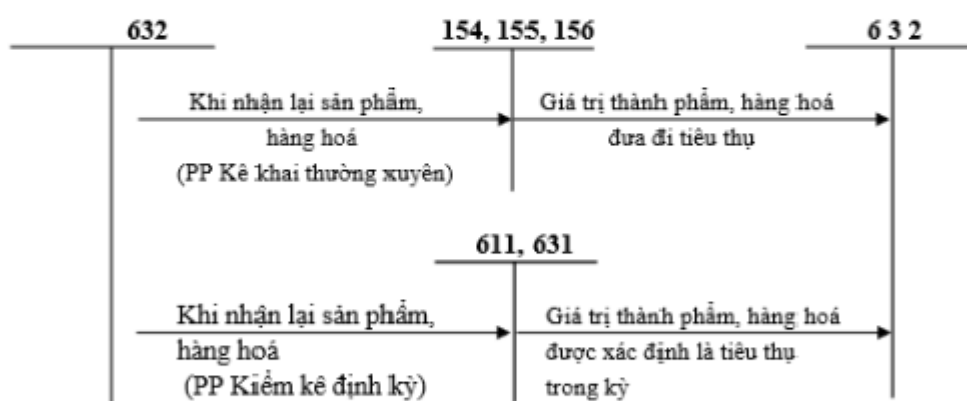
Bên có:

+ Kết chuyển toàn bộ số giảm giá hàng bán trừ vào doanh thu.

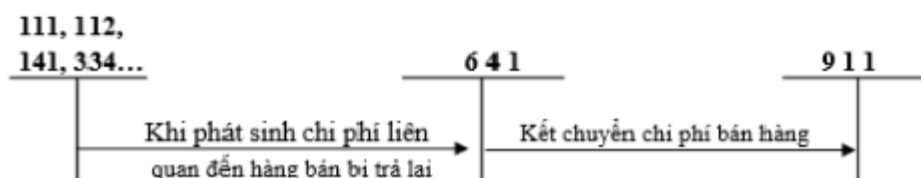
Phương pháp hạch toán :



Kế toán nhận lại sản phẩm, hàng hoá



Hạch toán chi phí phát sinh liên quan đến hàng bán bị trả lại



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.4. Kế toán thu nhập khác

- ❖ Chứng từ sử dụng :
 - Phiếu thu, phiếu kế toán.
 - Biên bản thanh lý tài sản cố định
 - Hóa đơn GTGT
 - Các chứng từ khác có liên quan.....
- ❖ Tài khoản sử dụng : TK 711 – “Thu nhập khác”

Tài khoản dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

+ **Kết cấu tài khoản 711** : (TK 711 không có số dư cuối kỳ)

Bên nợ:

+Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

+Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911.

Bên có:

+ Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

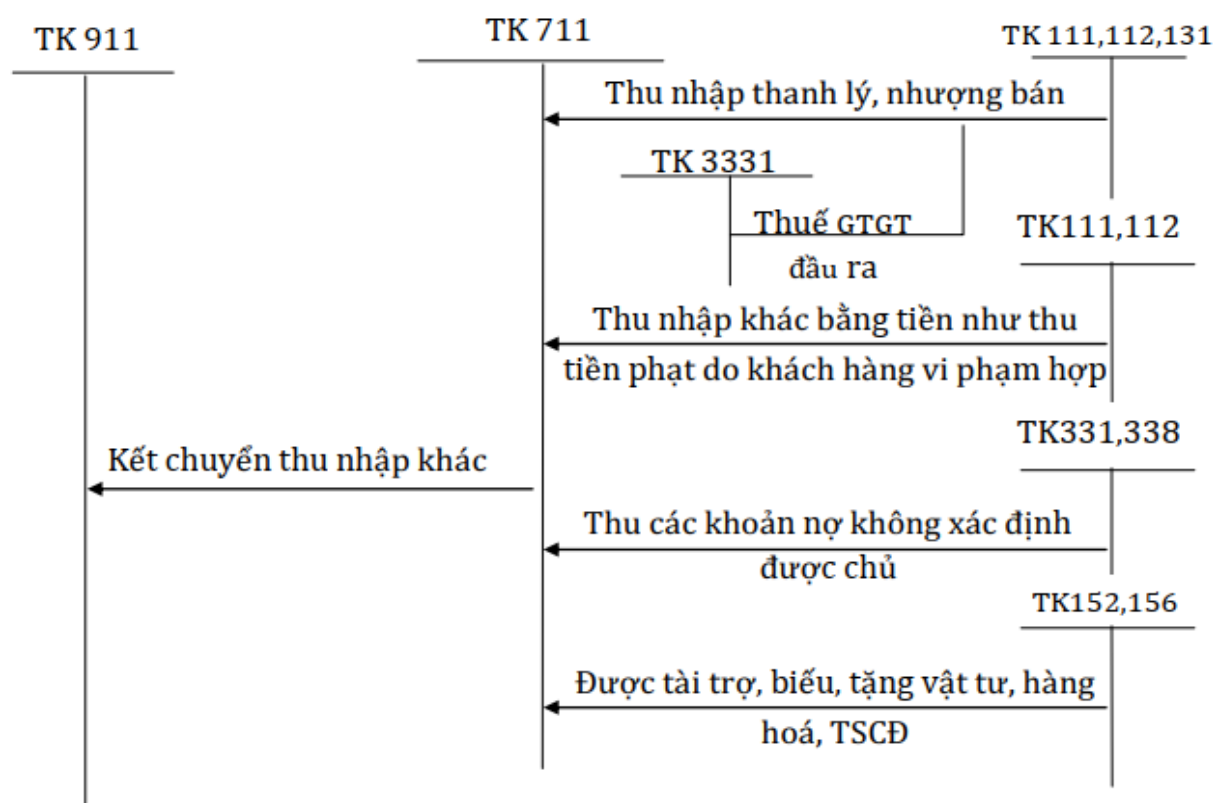
+ Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.

+ Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.

+ Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.

+ Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót.

Phương pháp hạch toán :



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

1.2.5. Kế toán chi phí doanh nghiệp của công ty.**1.2.2.1. Kế toán giá vốn bán hàng.**

* Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho.

Để đưa ra được giá bán hợp lý doanh nghiệp phải xác định giá vốn hàng bán để làm căn cứ ghi sổ, cuối kỳ xác nhận hiệu quả của sản xuất kinh doanh. Trong thực tế của giá cả mua vào luôn biến động do đơn giá của hàng hóa mỗi lần nhập kho là khác nhau điều này đòi hỏi kế toán phải có một phương pháp xác định giá trị hàng hóa xuất kho trên cơ sở đơn giá nhập kho tương ứng.

Hiện nay, có nhiều cách tính giá vốn hàng bán khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp mà lựa chọn phương pháp nào cho phù hợp, kế toán có thể áp dụng một trong ba phương pháp tính giá trị hàng xuất kho theo quy định trong “Chuẩn mực kế toán Hàng tồn kho”:

Công thức chung tính giá xuất kho :

Trị giá hàng xuất kho = Đơn giá hàng xuất kho x Số lượng xuất kho.

*Cụ thể với từng phương pháp như sau :

➤ Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO).

Theo phương pháp này kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ.

➤ Phương pháp thực tế đích danh,

Theo phương pháp này dựa trên cơ sở xuất kho hàng hóa thuộc lô hàng nào thì lấy đúng giá vốn của lô hàng đó tính giá vốn hàng xuất kho.

➤ Phương pháp bình quân gia quyền.

- Bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ :

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế của HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế của HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng HH nhập trong kỳ}}$$

- Bình quân sau mỗi lần nhập (Bình quân liên hoàn):

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn kho lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng thực tế hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

➤ Phương pháp bán lẻ.

Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác. Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng

❖ Chứng từ kế toán :

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01 – GTKT)
- Hóa đơn bán hàng (mẫu 02 – GTTT)
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ liên quan khác

❖ Tài khoản sử dụng : TK 632 – “Giá vốn hàng bán”.

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư....

Ngoài ra còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư như : chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư, chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động.....

+ **Kết cấu tài khoản 632 :** (TK 632 không có số dư cuối kỳ)

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Bên nợ :

- +Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- +Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- +Các khoản hao hụt, mất mát của HTK sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- +Số trích lập dự phòng giảm giá HTK
- +Phản ánh chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn năm trước.

Bên có :

- +Kết chuyển giá vốn hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911: “ Xác định kết quả kinh doanh”.
- +Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.

+Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai định kỳ

Bên nợ :

+ Kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ;

+ Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất trong kỳ;

+Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành;

+Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho;

Bên có :

+Kết chuyển giá vốn hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa tiêu thụ.

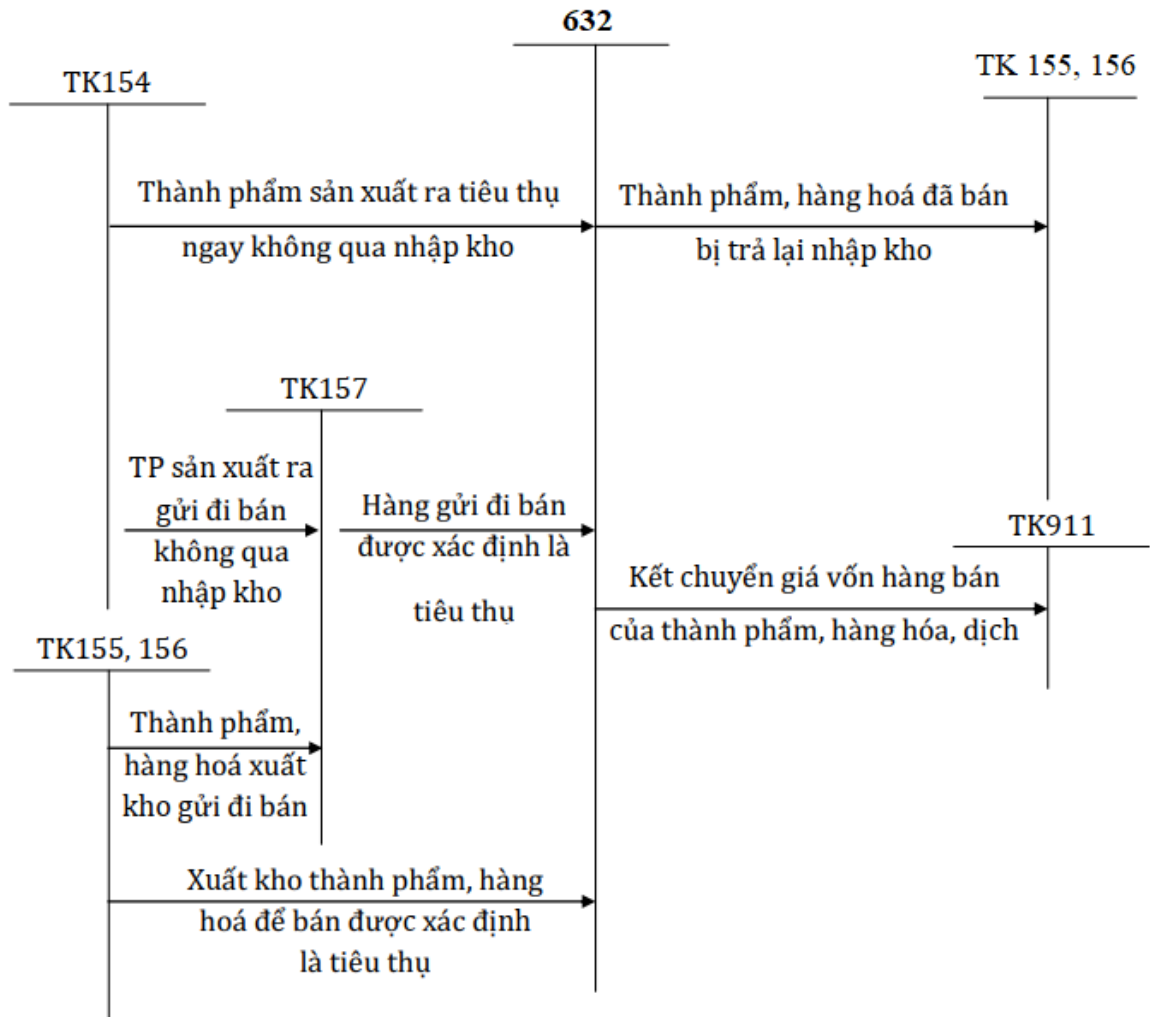
+Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ.

+Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.

+Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ vào bên nợ TK 911
“Xác định kết quả kinh doanh”

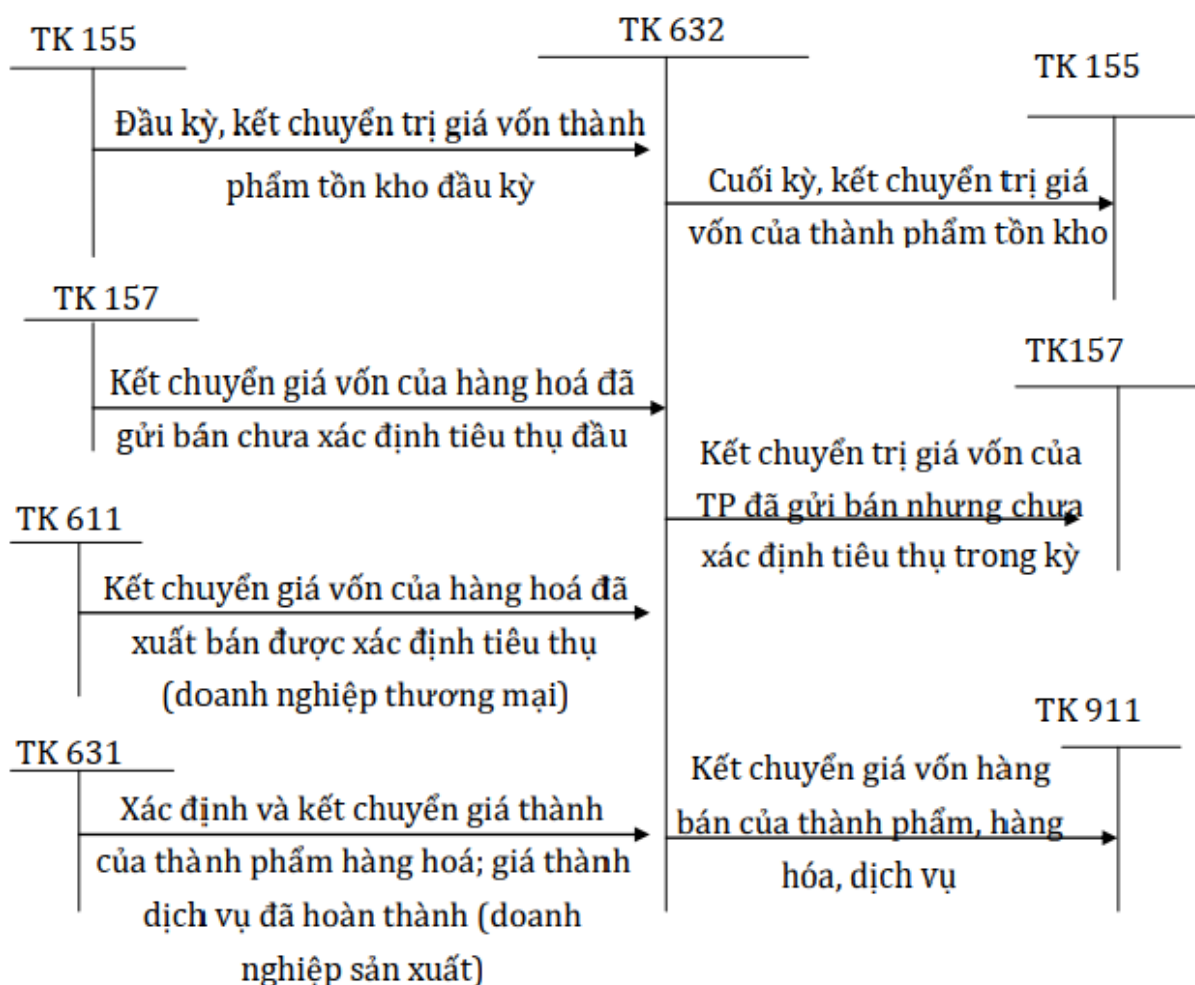
+Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên nợ TK 911: “Xác định kết quả kinh doanh”

Phương pháp hạch toán :



Sơ đồ 1.5 : Sơ đồ hạch toán trình tự giá vốn hàng bán

(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán trình tự kế toán giá vốn hàng bán

(theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

1.2.2.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

❖ Chứng từ sử dụng :

- Phiếu chi, phiếu thu, phiếu kế toán.
- Giấy báo nợ, giấy báo có của Ngân hàng.
- Các chứng từ có liên quan....

❖ Tài khoản sử dụng : TK 635 – “Chi phí tài chính”

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí do hoạt động tài chính bao gồm : khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ, chi phí lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán...

+ **Kết cấu tài khoản 632** : (TK 635 không có số dư cuối kỳ)

Bên nợ :

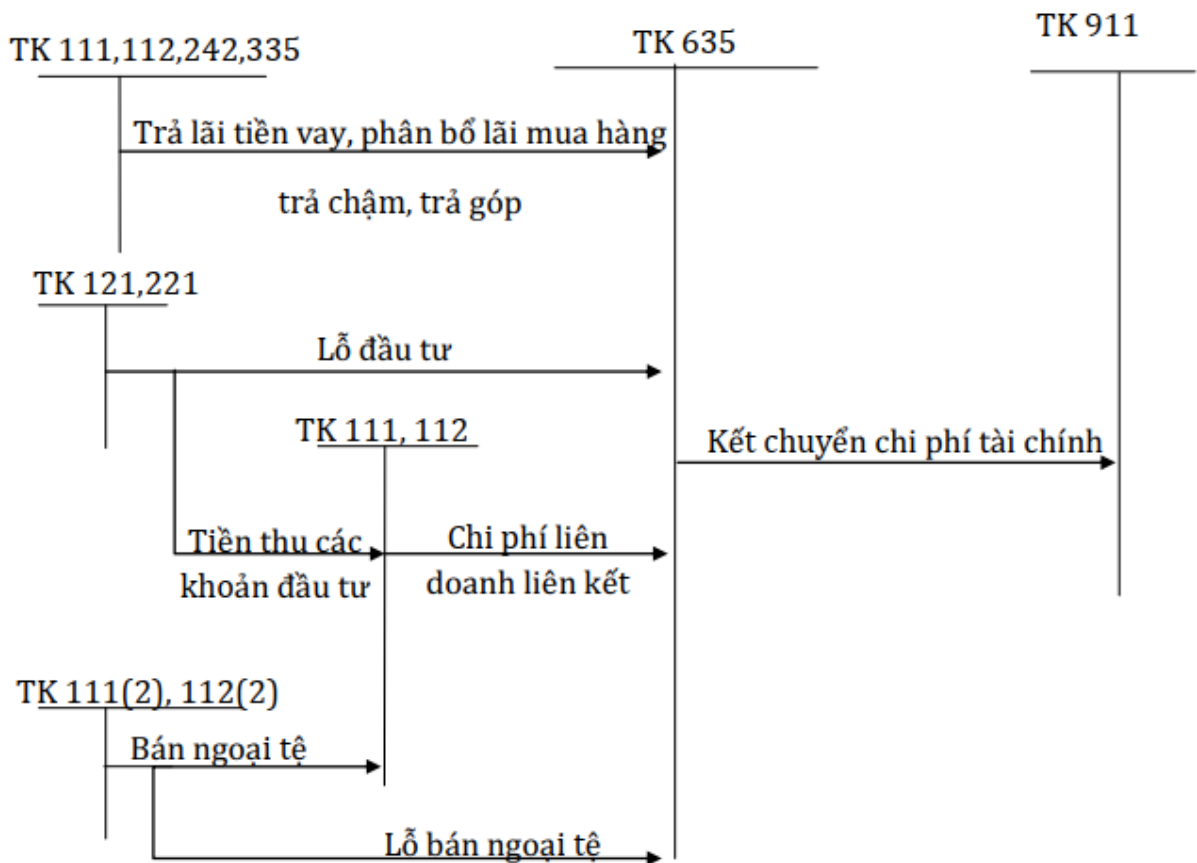
+Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản, thuê tài chính,

- +Lỗ bán ngoại tệ.
- +Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- +Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán khoản đầu tư.
- +Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động tài chính.
- +Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiêu.
- +Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính.

Bên có :

- +Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- +Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Phương pháp hạch toán :



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

1.2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp.

*** Kế toán chi phí bán hàng**❖ Chứng từ sử dụng :

- Hóa đơn thuế GTGT, hóa đơn bán hàng.
- Phiếu thu, phiếu chi
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Các chứng từ khác có liên quan....

❖ Tài khoản sử dụng : TK 641 – “Chi phí bán hàng”

Tài khoản này dùng để phản ánh những chi phí trong quá trình tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ bộ phận bán hàng, chi phí thuê kho bãi, đóng gói, vận chuyển giao hàng.....

+ **Kết cấu tài khoản 641** : (TK 641 không có số dư cuối kỳ)

Bên nợ :

+Tập hợp chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ.

Bên có :

+Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ, kết chuyển toàn bộ chi phí bán hàng sang TK 911.

Tài khoản cấp 2

TK 6411: Chi phí nhân viên

TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì

TK 6413: Chi phí dụng cụ đồ dùng

TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6415: Chi phí bảo hành

TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

*** Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.**❖ Chứng từ sử dụng :

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng.
- Phiếu thu, phiếu chi.
- Giấy báo nợ
- Bảng kê thanh toán tạm ứng
- Các chứng từ khác có liên quan.....

❖ Tài khoản sử dụng : TK 642 – “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí phục vụ quản lý doanh nghiệp gồm CP lương bộ phận QLDN, chi phí đồ dùng văn phòng, thuế nhà đất, thuế môn bài, chi phí dự phòng, khấu hao TSCĐ phục vụ cho bộ phận QLDN, chi phí dịch vụ mua ngoài.....

+ **Kết cấu tài khoản 642** : (TK 642 không có số dư cuối kỳ)

Bên nợ :

+Các chi phí QLDN thực tế phát sinh trong kỳ.

+Trích lập thêm khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.

Bên có :

+Các khoản ghi giảm chi phí QLDN.

+Hoàn nhập số chênh lệch dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả

+Kết chuyển toàn bộ chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911.

Tài khoản cấp 2

TK 6421: chi phí nhân viên quản lý

TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý

TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng

TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ

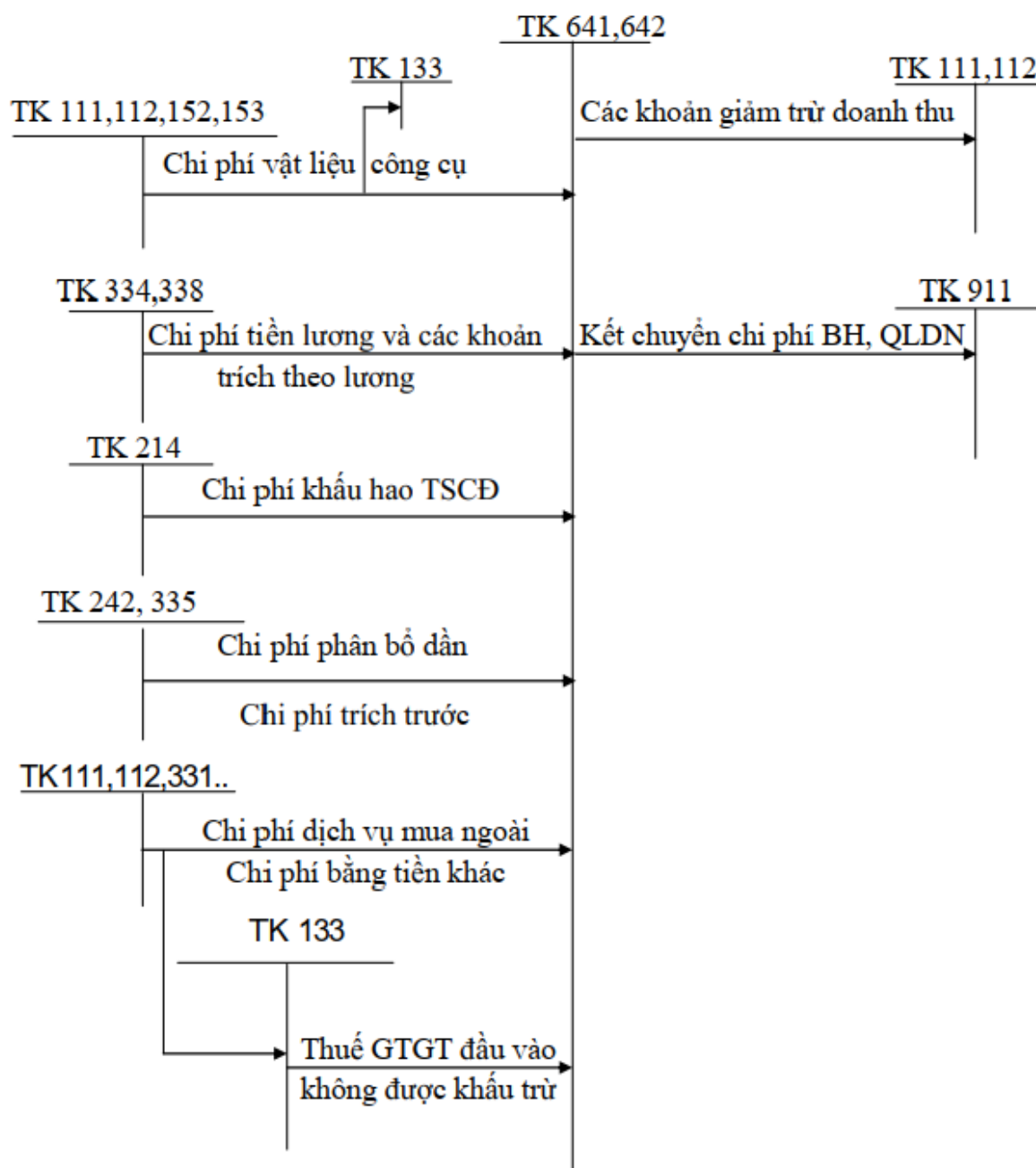
TK 6425: Thuế, phí và lệ phí

TK 6426: Chi phí dự phòng

TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

Phương pháp hạch toán CPBH, CPQLDN.



Sơ đồ 1.8 : Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp.

1.2.2.4. Kế toán chi phí khác.

❖ Chứng từ sử dụng :

- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ của Ngân hàng.
- Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định...
- Các chứng từ khác có liên quan.....

❖ Tài khoản sử dụng : TK 811 – “Chi phí khác”

Tài khoản này phản ánh các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của công ty.

+ **Kết cấu tài khoản 811** : (TK 811 không có số dư cuối kỳ)

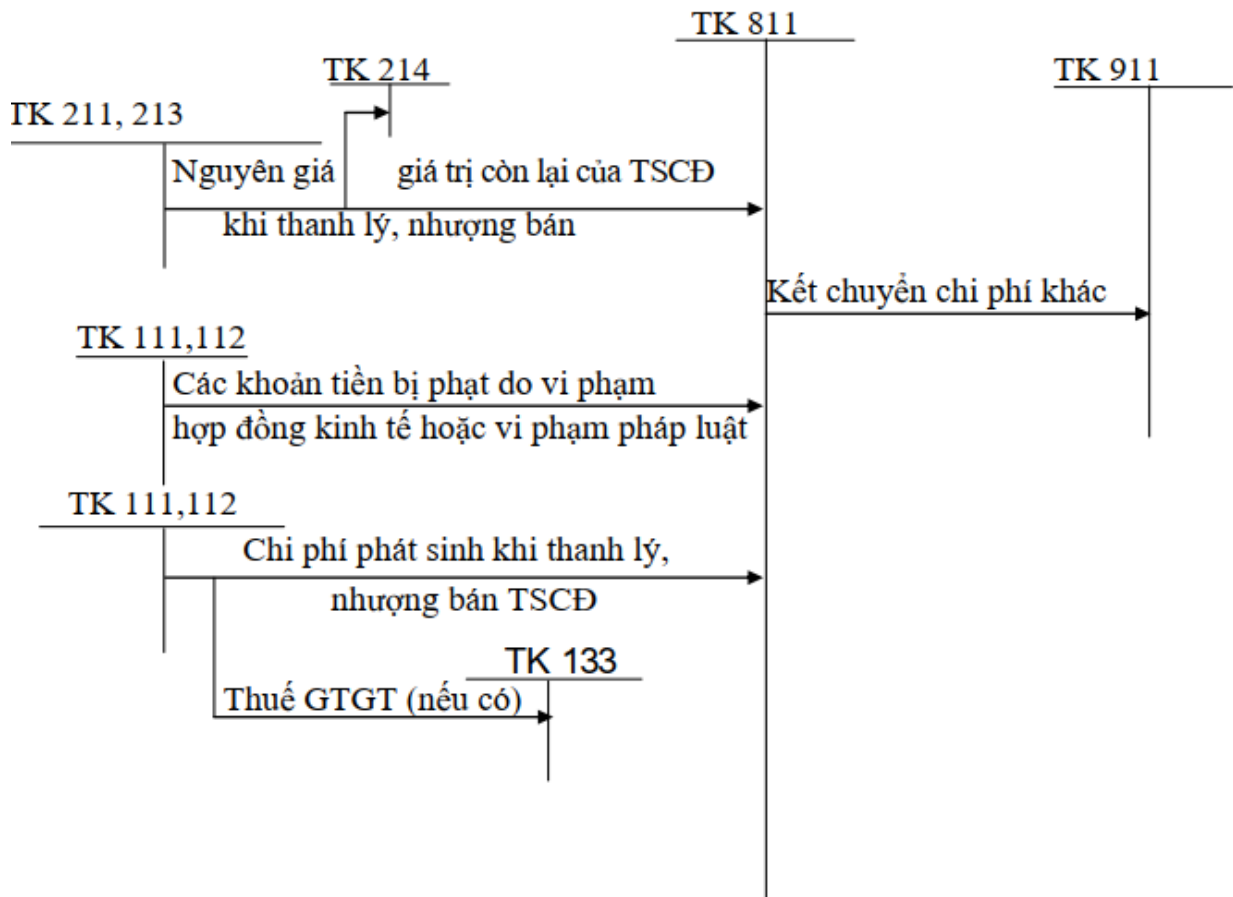
Bên nợ :

+Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.

Bên có :

-Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 : “Xác định kết quả kinh doanh”.

Phương pháp hạch toán :



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán chi phí khác

1.2.3. Kế toán kết quả kinh doanh của toàn doanh nghiệp.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán
- Quyết định xử lý lỗ các năm trước
- Quyết định trích lập các quỹ trong doanh nghiệp

- Các biên bản, hợp đồng về việc chia lợi nhuận.
- Các chứng từ khác có liên quan.

Tài khoản sử dụng : TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”

TK 821 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

TK 421 – “Lợi nhuận chưa phân phối”

- ***Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.***

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

+Kết cấu tài khoản 911 : (TK 911 không có số dư cuối kỳ)

Bên nợ :

+Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;

+Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;

+Chi phí quản lý kinh doanh;

+Kết chuyển lãi.

Bên có :

+Tổng doanh thu thuần về số sản phẩm hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.

+Tổng doanh thu thuần hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoảng ghi giảm chi phí thu nhập doanh nghiệp.

+Kết chuyển lỗ.

- ***Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp***

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định LQKD của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

+Kết cấu tài khoản 821 : (TK 821 không có số dư cuối kỳ)

Bên nợ :

+Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm;

+Chi phí thuế TNDN hoãn lại.

+Chi phí thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót.

Bên có :

+Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm;

+Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước;

+Kết chuyển chi phí thuế TNDN sang TK 911 : “Xác định kết quả kinh doanh”.

• ***Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối.***

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lãi hoặc lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

+Kết cấu tài khoản 421 :

Bên nợ :

+Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

+Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.

+Chia cổ tức, lợi nhuận cho các chủ sở hữu.

+Bổ sung vốn đầu tư của CSH.

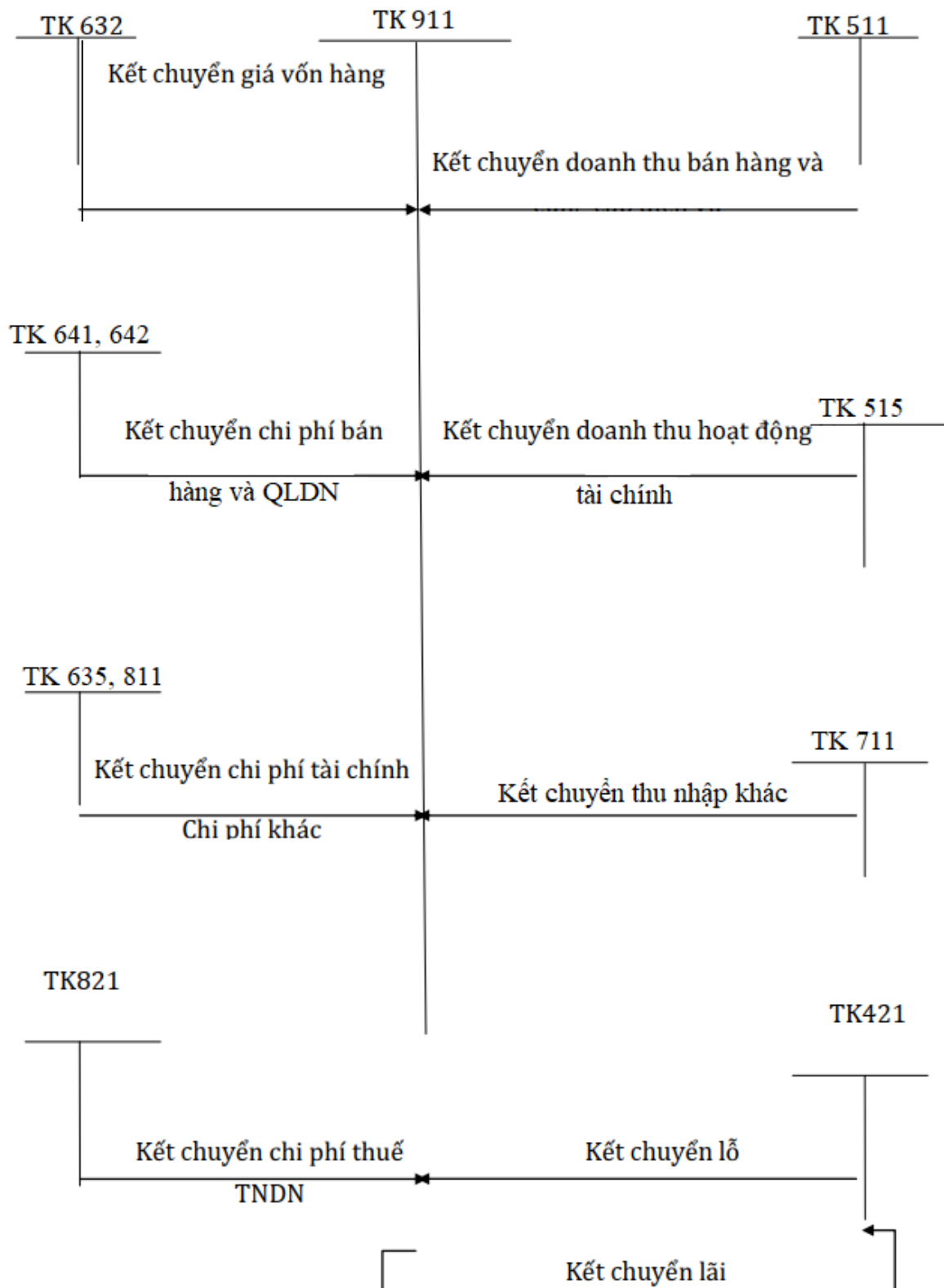
Bên có :

+Số lãi thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ.

+Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

Phương pháp hạch toán :

+Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh.

1.2.4. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán.

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành theo TT 200/2014 của Bộ Tài Chính doanh nghiệp được áp dụng một trong 5 hình thức kế toán sau:

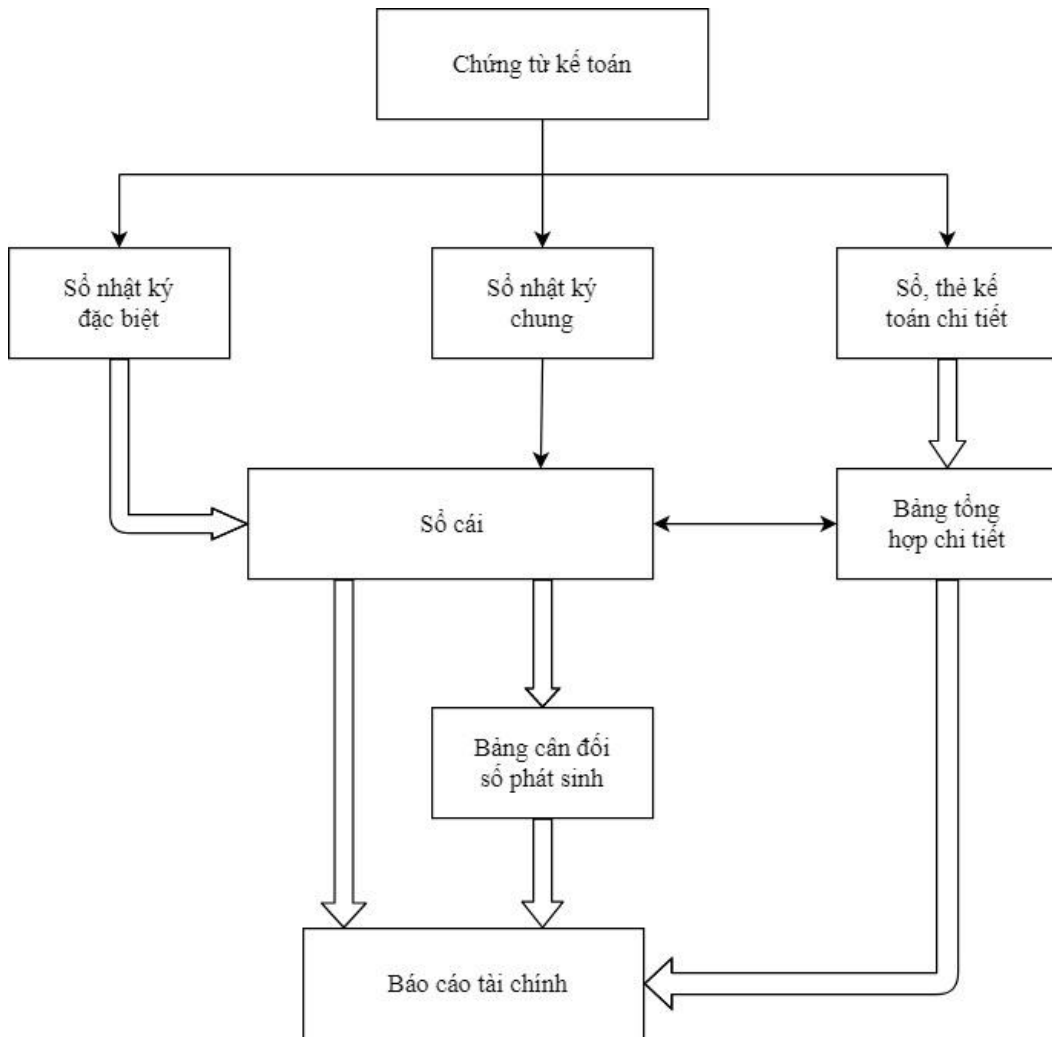
- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái
- Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

Hình thức kế toán Nhật ký chung.

Đặc điểm : Tất cả nghiệp vụ kinh tế , tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh :

- Sổ Nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

CHƯƠNG 2 : THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HOÀNG TÍN PHÁT.

2.1. Giới thiệu về công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát.

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201115201 ngày 20 tháng 09 năm 2010 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Một số thông tin cơ bản về công ty :

- Tên công ty: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HOÀNG TÍN PHÁT
- Tên viết tắt: THƯƠNG MẠI HOÀNG TÍN PHÁT CO.,LTD
- Địa chỉ: Số597 Nguyễn Văn Linh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

- Mã số thuế: 0201115201 (20/09/2010)

- Người ĐDPL: Trần Duy Hoàng

- Ngày hoạt động: 20/09/2010

- Giấy phép kinh doanh: 0201115201

- Lĩnh vực: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát là đơn vị hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân, được mở các tài khoản tại ngân hàng trong và ngoài nước, được sử dụng con dấu riêng theo mẫu quy định của Nhà nước.

Công Ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát chuyên kinh doanh:

- Vật tư các đồ nội thất dân dụng gia đình

- Mua bán các loại máy móc thiết bị

- Kinh doanh các loại vật liệu khác trong xây dựng

Với phương châm "chất lượng hàng đầu, giá cả cạnh tranh", Công ty TNHH thương mại Hoàng Tín Phát đã khẳng định được tên tuổi và có chỗ đứng tin cậy trong lòng khách hàng.

2.1.2 Những thuận lợi và khó khăn của công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát.

Thuận lợi

- Công ty luôn xác định rõ ràng mục tiêu phát triển, phương hướng, nhiệm vụ trong hoạt động sản xuất kinh doanh nên luôn có định hướng đúng đắn trong quá trình phát triển sản xuất, mở rộng quy mô, ngành nghề...

- Công ty có nhiều biện pháp xúc tiến, thâm nhập, không ngừng mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm sản xuất cũng như dịch vụ.

- Bên cạnh đó, công ty có đội ngũ cán bộ nhiệt tình, dày dặn kinh nghiệm cùng với lực lượng công nhân sản xuất hăng say, tạo nên hiệu quả sản xuất kinh doanh cao và tăng dần qua các năm. Đồng thời công ty luôn có kế hoạch phát triển, bồi dưỡng, đào tạo năng lực, trình độ chuyên môn cho cán bộ công nhân viên trong toàn công ty.

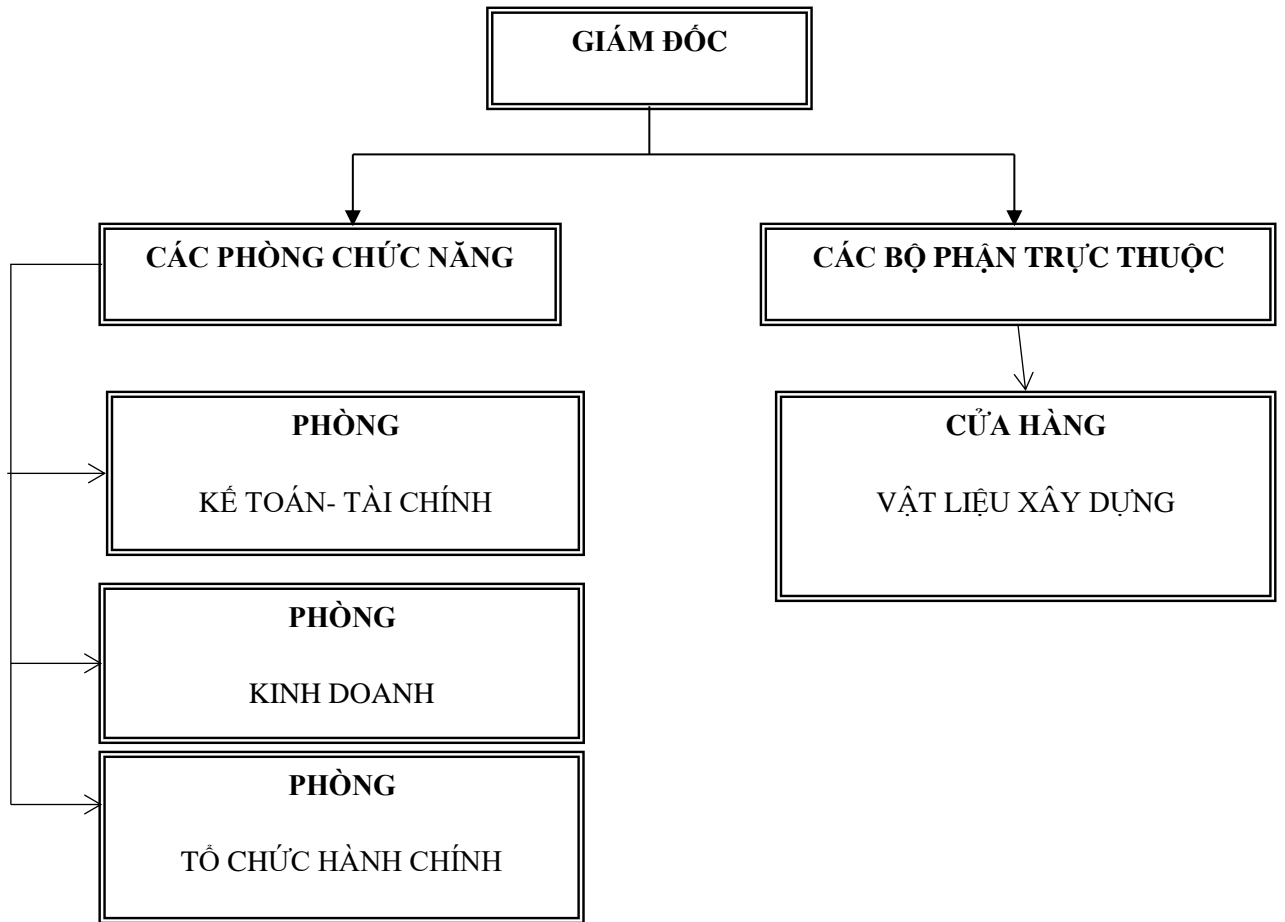
Khó khăn

- Mặc dù tốc độ phát triển cũng khá nhanh nhưng công ty vẫn còn gặp phải những khó khăn về cơ sở vật chất, máy móc thiết bị...

- Chế độ chính sách nhà nước không ổn định: chính sách thuế, chính sách đầu tư, sự tăng vọt của giá cả thị trường ... làm cho công ty gặp không ít khó khăn trong việc đối mặt với sự biến động trong việc lựa chọn và ra quyết định đầu tư như thế nào cho hợp lý và hiệu quả

- Thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, đòi hỏi công ty phải đưa ra nhiều biện pháp thu hút, tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường...

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát.



Sơ đồ 2.1 : Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát.

Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận

***Giám Đốc:**

- *Chức năng:* Là người điều hành hoạt động kinh doanh và chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động của công ty trước cơ quan pháp luật.

- *Nhiệm vụ:*

+ Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

+ Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty.

+ Ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

+ Bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty.

+ Ký hợp đồng nhân danh Công ty

*** Phòng kế toán.**

- **Chức năng:** Phản ánh và giám đốc tất cả các hoạt động tài chính trong toàn công ty. Phòng kế toán tài chính là một phòng giữ vị trí quan trọng trong việc điều hành quản lý kinh tế, thông tin kinh tế trong mọi lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp.

- **Nhiệm vụ:**

+ Tổ chức sắp xếp hợp lý, khoa học tập trung các nhân viên thuộc phòng quản lý để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao về công tác kế toán tài chính.

+ Báo cáo với Giám Đốc về những phát sinh trong tháng một cách kịp thời, chính xác, như doanh thu, chi phí, thuế, ngân hàng, công nợ...

+ Ghi chép phản ánh số liệu hiện có về tình hình vận động toàn bộ tài sản của công ty. Giám sát việc sử dụng, bảo quản tài sản của công ty, đặc biệt là các phương tiện vận tải, máy móc thiết bị.

+ Mở sổ sách theo dõi tài sản, lập hồ sơ chứng từ ghi chép, lập báo cáo theo quy định của nhà nước, lưu giữ chứng từ cẩn thận, gọn gàng.

***Phòng hành chính nhân sự.**

Có chức năng giúp Giám đốc thi đua khen thưởng, kỷ luật, lên danh sách ký hợp đồng cho nhân viên toàn công ty, giải quyết chế độ chính sách cho người lao động theo luật lao động và luật Bảo Hiểm Xã Hội hiện hành (chế độ nghỉ việc, chế độ nghỉ thai sản, nghỉ ốm, nghỉ phép..). Lập các quyết định nghỉ việc, bổ nhiệm, bãi nhiệm, lệnh điều động nhân viên các mục tiêu, quản lý hồ sơ, danh sách trích ngang toàn công ty.

***Phòng kinh doanh:**

- **Chức năng:**

+ Tham gia xây dựng những nội dung qui trình, kế hoạch chất lượng, các hướng dẫn về công tác quản lý chất lượng.

- **Nhiệm vụ:**

+ Tham mưu , đề xuất các phương án kinh doanh trình lên Giám Đốc.

+ Nghiên cứu thị trường, định hướng các hoạt động kinh doanh tiếp thị tại các thị trường mục tiêu.

+ Xác định giá dịch vụ, xây dựng chiến lược phát triển thị trường.

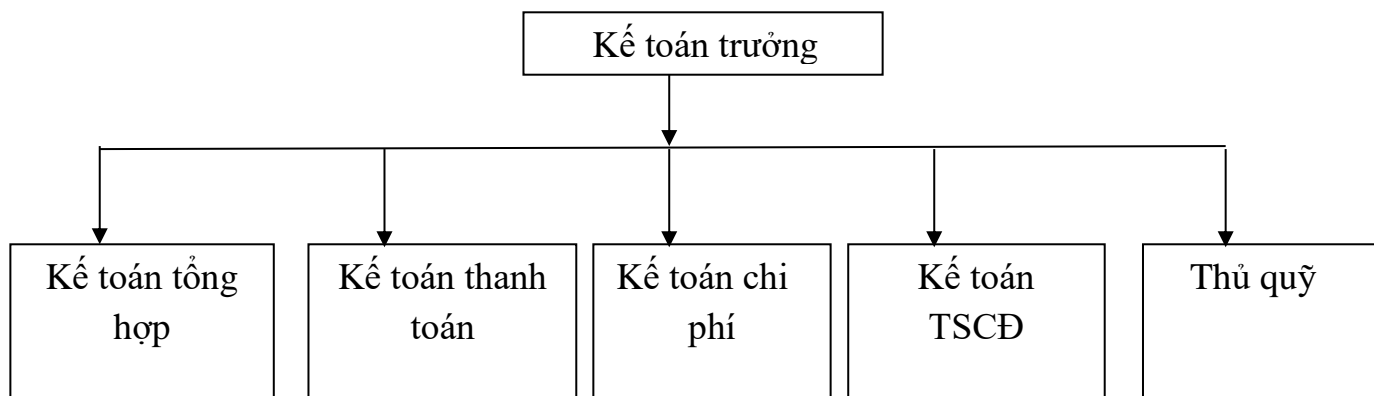
+ Thực hiện việc dịch vụ sau bán hàng (chăm sóc khách hàng), tiếp thị.

+ Biết phân biệt khách hàng có tiềm năng và không có tiềm năng.

+ Kết hợp với các phòng ban liên quan xây dựng chất lượng nhân viên

2.1.4. Đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát.

Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát là một đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng và có quyền tự chủ về mọi hoạt động kinh tế tài chính của công ty. Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức phân khúc như sau :



Sơ đồ 2.1 : Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán Công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát

Nhiệm vụ của từng bộ phận kế toán :

Phòng kế toán theo dõi toàn bộ hoạt động thu chi tài chính của công ty, thực hiện toàn bộ các công tác hạch toán từ việc xử lý chứng từ đến lập báo cáo tài chính. Trong phòng kế toán mỗi người có nhiệm vụ chắc năng riêng nhưng có mối quan hệ hỗ trợ cho nhau trong quá trình làm việc.

+ **Kế toán trưởng** : chịu trách nhiệm trước giám đốc về mọi mặt hoạt động tài chính của công ty , có nhiệm vụ tổ chức và kiểm tra công tác kế toán ở đơn vị . Đồng thời cũng có nhiệm vụ quan trọng việc thiết kế phương án tự chủ tài chính , đảm bảo khai thác và sử dụng hiệu quả mọi nguồn vốn của công ty như việc tính toán chính xác mức vốn cần thiết, tìm mọi biện pháp giảm chi phí , tăng lợi nhuận của công ty

+ **Kế toán tổng hợp** : là người ghi chép , tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế và tập hợp chi phí, tính giá thành , xác định kết quả lãi lỗ của quá trình kinh doanh đồng thời vào sổ cái lên bảng thống kê tài sản . Ngoài ra còn phải theo dõi tình hình công nợ phải thanh toán với các ban hàng

+ **Kế toán thanh toán** : chịu trách nhiệm theo dõi và hạch toán các khoản thanh toán công nợ với ngân sách nhà nước , với các thành phần kinh tế , các cá nhân cũng như trong nội bộ công ty . Đồng thời thanh toán tiền lương cho công nhân theo chế độ quy định

- + **Kế toán chi phí** : thực hiện công việc tập hợp chi phí
- + **Thủ quỹ** : Thực hiện thu, chi tiền mặt đúng chính sách trong phạm vi trách nhiệm của người thủ quỹ.
 - Kiểm đếm thu, chi tiền mặt chính xác và bảo quản an toàn quỹ tiền mặt của đơn vị.
 - Thực hiện nghiêm chỉnh định mức tồn quỹ tiền mặt của Nhà nước quy định.
 - Hạch toán chính xác đầy đủ các nghiệp vụ của quỹ tiền mặt, và làm các báo cáo về quỹ tiền mặt.
- + **Kế toán TSCĐ** : theo dõi sự biến động của TSCĐ , tính và phân bổ khấu hao TSCĐ cho các đối tượng sử dụng .

Chính sách và phương pháp kế toán

Công ty đang áp dụng chế độ kế toán ban hành theo thông tư số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép sổ kế toán là: đồng Việt Nam
- Áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung
- Tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ
- Giá trị thực tế của vật liệu xuất kho: hiện nay công ty đang áp dụng đơn giá nhập trước xuất trước
 - Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên
 - Phương pháp khấu hao theo đường thẳng
 - Hình thức hóa đơn : Hóa đơn đặt in.

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát.

2.2.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty.

Công ty là doanh nghiệp thương mại kinh doanh các đồ nội thất, máy móc thiết bị dân dụng gia đình và các loại vật liệu khác trong xây dựng... Vì vậy, doanh thu của Công ty là doanh thu bán hàng hóa theo hóa đơn bán hàng.

2.2.1.2. Chứng từ kế toán sử dụng.

Hóa đơn GTGT, hợp đồng kinh tế, giấy đề nghị thanh toán, biên bản giao nhận hàng.

Phiếu thu, giấy báo có của Ngân hàng..

2.2.1.3. Sổ sách sử dụng.

Sổ nhật ký chung

Sổ cái tài khoản 5111, 111,112 ,131..

2.2.1.4. Tài khoản sử dụng

TK 5111 : Doanh thu bán hàng hóa

TK 111 : Tiền mặt

TK 112 : Tiền gửi ngân hàng

TK 131 : Phải thu khách hàng

TK 333 : Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà Nước.

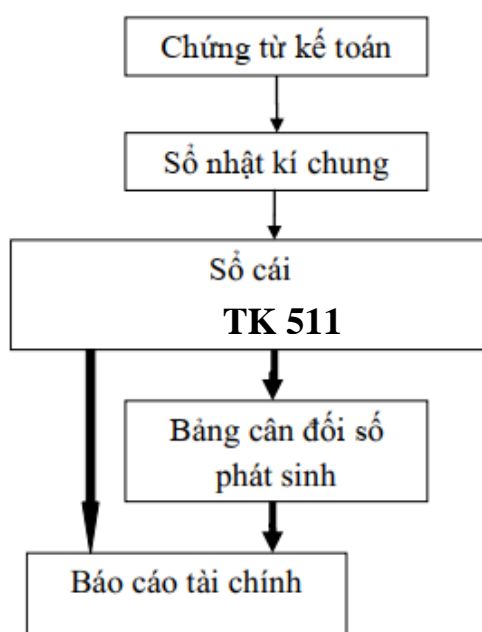
2.2.1.5. Quy trình ghi sổ kế toán tại công ty.

Quy trình hạch toán :

Hằng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra để làm căn cứ ghi sổ Nhật ký chung và đồng thời ghi vào sổ chi tiết các tài khoản và từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái các tài khoản.

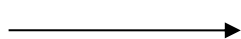
Định kỳ cuối tháng, kế toán cộng số liệu trên sổ cái các tài khoản để lập bảng cân đối phát sinh.

Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh và sổ cái để lập Báo cáo tài chính.



Sơ đồ 2.2 : Quy trình hạch đoán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát.

Ghi chú



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ.

Ví dụ 1 :

Ngày 01/05/2018, bán 5 chiếc chậu rửa lavabo bán âm Inax AL – 333V cho Công ty TNHH Đầu tư khách sạn Hải Phòng, đơn giá là 2.184.000 đ(chưa bao gồm thuế VAT 10%), đã thanh toán bằng tiền mặt.

Định khoản :

Nợ TK 1111 : 12.012.000

Có TK 5111 : 10.920.000

Có TK 3331 : 1.092.000

Căn cứ vào HĐ số 0000182 (**biểu số 2.1**), phiếu thu (**biểu số 2.2**)

Kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (**biểu số 2.5**), sổ cái TK 511 (**biểu số 2.6**)

Ví dụ 2 :

Ngày 03/05/2018, công ty bán cho Công ty cổ phần và thương mại sao Hải Phòng 3 bộ máy nước nóng năng lượng mặt trời Pure Solar ống dầu khía – 180L, giá bán chưa thuế 10% là 15.890.000 đ, đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Định khoản :

Nợ TK 1121 : 52.437.000 đ

Có TK 5111 : 47.670.000 đ

Có TK 3331 : 4.767.000 đ

Căn cứ vào HĐ số 0000190 (**biểu số 2.3**), Giấy báo có 000152 (**biểu số 2.4**). Kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (**biểu số 2.5**), sổ cái TK 511 (**biểu số 2.6**). Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, cáo cáo tài chính.

Biểu số 2.1 : HĐ GTGT số 0000182 (*Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát*)

HOA ĐƠN		Mẫu số : 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu : AA/16P			
Liên 3: Nội bộ		Số : 0000182			
Ngày 01 tháng 05 năm 2018					
Đơn vị bán hàng : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HOÀNG TÍN PHÁT					
Mã số thuế : 0201115201					
Địa chỉ : Số 597 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng.					
Điện thoại : 0225.559076					
Số tài khoản :					
Họ tên người mua hàng :					
Tên đơn vị : Công ty TNHH Đầu tư khách sạn Hải Phòng					
Mã số thuế : 0201309783.					
Địa chỉ : 123 Nguyễn Bình Khiêm , P. Đằng Giang, Q.Ngô Quyền, Hải Phòng.					
Hình thức thanh toán : TM..... Số tài khoản :					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1 2
1	Chậu rửa lavabo bán âm Inax AL – 333V	Chiếc	05	2.184.000	10.920.000
Cộng tiền hàng :					10.920.000
Thuế suất GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT :		1.092.000	
Tổng cộng tiền thanh toán :					12.012.000
Số tiền viết bằng chữ : <i>Mười hai triệu không trăm mười hai nghìn đồng ./.</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					


Biểu số 2.2 : Phiếu thu 0000229 (*Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát*)

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát.		Mẫu số: 01 – TT		
Địa chỉ: Số 597 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng		(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)		
PHIẾU THU		Quyển số: ...2.....		
		Số: ... 229		
<i>Ngày 01 tháng 05 năm 2018.</i>		Nợ :1111		
		Có :511, 3331		
Họ và tên người nộp tiền: Công ty TNHH Đầu tư khách sạn Hải Phòng.				
Địa chỉ: : 123 Nguyễn Bình Khiêm , P. Đằng Giang, Q.Ngô Quyền, Hải Phòng.				
Lý do nộp: ...Trả tiền hàng theo HĐ 0000182.....				
Số tiền:12.012.000 đ.....				
(Viết bằng chữ):Mười hai triệu không trăm mười hai nghìn đồng chẵn/.....				
Kèm theo:HĐ0000182...				
<i>Ngày 01 tháng 05 năm 2018</i>				
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười hai triệu không trăm mười hai nghìn đồng chẵn...				
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):				
+ Số tiền quy đổi:				

Biểu số 2.3 : HĐ GTGT số 0000190 (*Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát*)

HOA ĐƠN		Mẫu số : 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu : AA/16P			
Liên 3: Nội bộ		Số : 0000190			
Ngày 03 tháng 05 năm 2018					
Đơn vị bán hàng : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HOÀNG TÍN PHÁT					
Mã số thuế : 0201115201					
Địa chỉ : Số 597 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng.					
Điện thoại : 0225.559076					
Số tài khoản :					
Họ tên người mua hàng :					
Tên đơn vị : Công ty cổ phần và thương mại Sao Hải Phòng					
Địa chỉ : 133 Trần Phú, P. Cầu Đất, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng.					
Hình thức thanh toán : TM..... Số tài khoản :					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1x2
1	Máy nước nóng NLMT Pure Solar – 180L	Bộ	03	15.890.000	47.670.000
Cộng tiền hàng :					47.670.000
Thuế suất GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT :		4.767.000	
Tổng cộng tiền thanh toán :					52.437.000
Số tiền viết bằng chữ : <i>Năm mươi hai triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng./.</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

Biểu số 2.4 : Giấy báo có 000465 (*Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát*).

 ASIA COMMERCIAL BANK NGÂN HÀNG Á CHÂU	GIẤY BÁO CÓ	
Ngân hàng Á Châu	Ngày: 03-05-2018	Mã GDV: TRẦN THỊ THANH THỦY
Chi nhánh: ACB – PGD TD PLAZA		Mã KH: 749942
		Số GD: 465
Kính gửi: CTY TNHH THƯƠNG MẠI HOÀNG TÍN PHÁT		
Mã số thuế: 0201115201		
Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:		
Số tài khoản ghi CÓ:	63855499	
Số tiền bằng số:	52,437,000.00	
Số tiền bằng chữ:	Năm mươi hai triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng chẵn	
Nội dung:	TRẦN DUY HOÀNG thanh toán tiền hàng	
Giao dịch viên		Kiểm soát

Biểu số 2.5 : Nhật ký chung (Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát)

Công ty TNHH thương mại Hoàng Tín Phát
Địa chỉ: số 597 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, HP

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo TT 200/2014/QĐ-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
		SD ĐK				
.....
PT0229	01/05	Bán chậu rửa lavabo bán âm Inax AL-333V	1111	5111 3331	12.012.000	10.920.000 1.092.000
HD0182						
HD0185	02/05	Bán gạch vân gỗ S609A KT 30*30 m2	131	5111 3331	22.000.000	20.000.000 2.000.000
GBC46	03/05	Bán máy nước nóng năng lượng mặt trời 180L ống dầu khía	1121	5111 3331	52.437.000	47.670.000 4.767.000
5						
HD0190						
....
PT301	10/05	Cty TM và DV Lê Nguyễn thanh toán TM	111	131	9.900.000	9.900.000
GBC467	27/05	Cty TNHH An Minh thanh toán bằng CK	112	131	42.720.000	42.720.000
.....
		Cộng phát sinh			90.251.464.832	90.251.464.832

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.6 : Sổ cái tài khoản 511

Đơn vị: Công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát

Mẫu số S03b – DN

Địa chỉ: Số 597 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, HP

(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI****Năm 2018****Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			

01/05	HD0182	01/05	Bán chậu rửa mặt lavabo bán âm Inax AL-333V	1111		10.920.000
02/05	HD0185	02/05	Bán gạch vân gỗ S609A	131		20.000.000
...
03/05	HD0190	03/05	Bán bộ năng lượng mặt trời 180L ống đầu khóa	1121		47.670.000
05/05	HD0198	05/05	Bán bộ sen tắm nhập khẩu Korean S6688	111		11.500.000
..
31/12	PKT198	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	911	11.042.958.178	
			Cộng số phát sinh		11.042.958.178	11.042.958.178
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty thương mại Hoàng Tín Phát.

Hoạt động của công ty chủ yếu chú trọng vào kinh doanh bán hàng nên công ty không tham gia vào các hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn liên doanh. Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu phát sinh đi tiền lãi nhận được từ các khoản tiền gửi ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi hàng tháng cho các khoản vay dài hạn và phí tiền gửi.

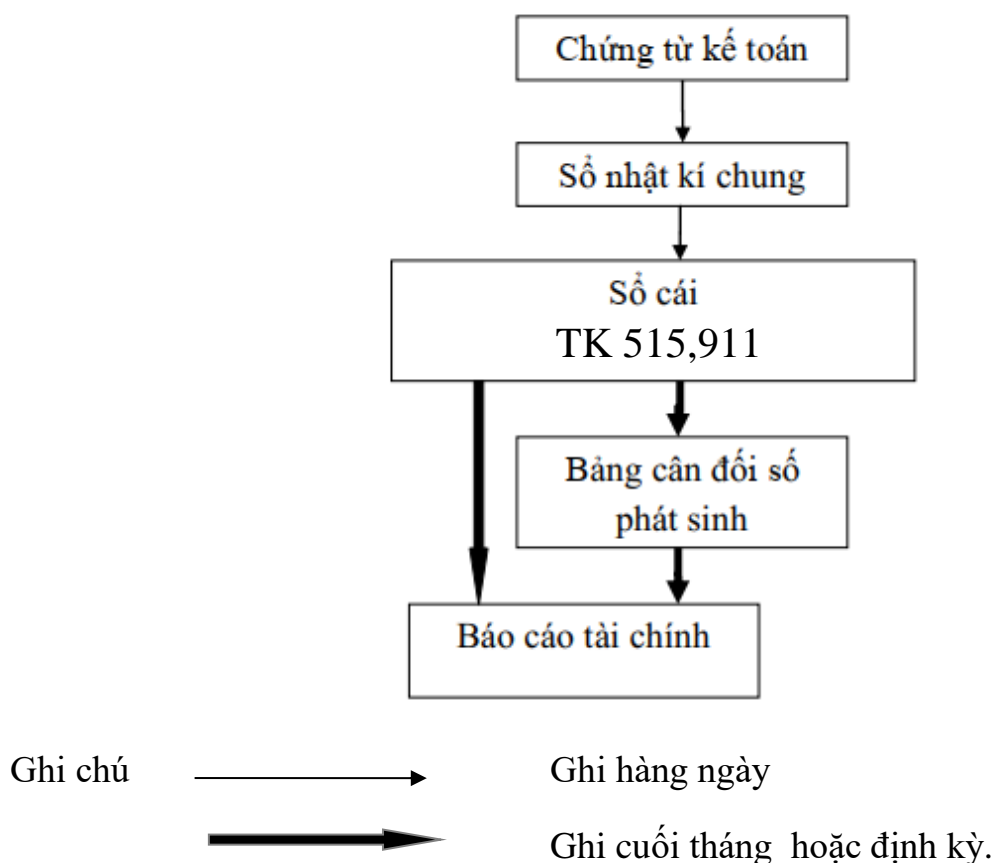
2.2.2.1 Chứng từ sử dụng.

- Giấy báo có, bản sao kê ngân hàng....
- Các chứng từ khác có liên quan....

2.2.2.2 Tài khoản sử dụng

TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính.

2.2.2.3 Trình tự ghi sổ



Sơ đồ 2.3 : Quy trình ghi sổ doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thương Mại Hoàng Tín Phát.

Ví dụ 3 : Ngày 25/05/2018 Công ty nhận được giấy báo có thông báo lãi tiền gửi ngân hàng ACB , số tiền là 55.687 đồng bằng chuyển khoản.

Định khoản :


Nợ TK 112 : 55.687 đ

Có TK 515 : 55.687 đ

Căn cứ vào giấy báo có của Ngân hàng ACB .Kế toán ghi sổ nhật ký chung sau đó vào sổ cái.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Biểu số 2.7 : Giấy báo có 00164 (*Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát*)

 ASIA COMMERCIAL BANK NGÂN HÀNG Á CHÂU	GIẤY BÁO CÓ	
Ngân hàng Á Châu	Ngày: 25-05-2018	Mã GDV: TRẦN THỊ THANH THỦY
Chi nhánh: ACB – PGD TD PLAZA		Mã KH: 749942
		Số GD: 164
Kính gửi: CTY TNHH THƯƠNG MẠI HOÀNG TÍN PHÁT		
Mã số thuế: 0201115201		
Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:		
Số tài khoản ghi CÓ:	63855499	
Số tiền bằng số:	55.687	
Số tiền bằng chữ:	Năm mươi năm nghìn sáu trăm tám mươi bảy nghìn đồng	
Nội dung:	Tiền lãi tháng 05/2018	
Giao dịch viên		Kiểm soát

Biểu số 2.8 : Nhật ký chung (*Nguồn* : Phòng kế toán công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát).

Công ty TNHH thương mại Hoàng Tín Phát
Địa chỉ: số 597 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân ,HP

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo TT 200/2014/QĐ-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
		<u>SD ĐK</u>				
.....
UNC112	20/05	Phí chuyển khoản	642	1121	28.441	28.441
GBC164	25/05	Tiền lãi của ngân hàng	1121	515	55.687	55.687
.....
GBN120 1	28/05	Rút tiền về nhập quỹ tiền mặt	1111	1121	100.000.000	100.000.000
.....
		Cộng phát sinh			90.251.464.832	90.251.464.832

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.9 : Sổ cái tài khoản 515

Đơn vị: Công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát

Mẫu số S03b – DN

Địa chỉ: Số 597 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, HP

(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI****Năm 2018****Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			
			Số phát sinh trong kỳ			

25/05	GBC164	25/05	Tiền lãi của ngân hàng tháng 5	1121		55.687
25/06	GBC187	25/06	Tiền lãi của ngân hàng tháng 6	1121		55.842

25/09	GBC203	25/09	Tiền lãi của ngân hàng tháng 9	1121		69.741
25/10	GBC221	25/09	Tiền lãi của ngân hàng tháng 10	1121		82.553
31/12	PKT135	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	1.758.148	
			Cộng số phát sinh		1.758.148	1.758.148
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát.**2.2.3.1 Chứng từ kế toán**

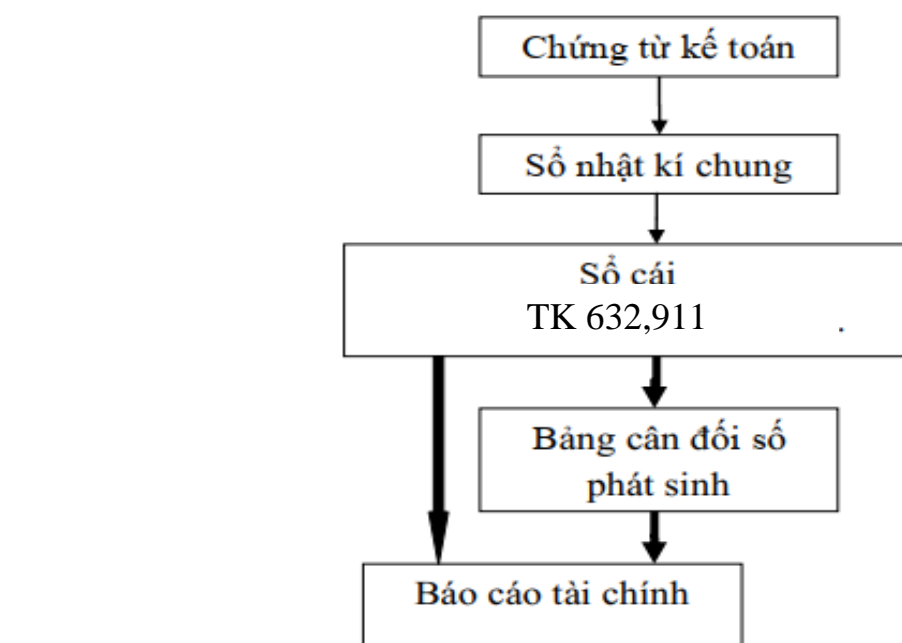
- Hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho...
- Phiếu chi,GBN....

2.2.3.2 Sổ sách sử dụng

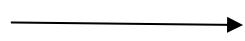
- Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 632 , Phiếu kế toán....

2.2.3.3 Tài khoản sử dụng

- TK 632 - Giá vốn hàng bán và các tài khoản có liên quan khác....

2.2.3.4 Quy trình hạch toán.

Ghi chú



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ.

Sơ đồ 2.4 : Quy trình ghi sổ giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát

2.2.3.5. Phương pháp hạch toán.

- Phương pháp nhập trước – xuất trước.

Ví dụ 2 :

Ngày 03/05/2018, công ty bán cho Công ty cổ phần và thương mại sao Hải Phòng 3 bộ máy nước nóng năng lượng mặt trời Pure Solar ống dầu khía – 180L, giá bán chưa thuế 10% là 15.890.000 đ, đã thanh toán bằng chuyển khoản. Kế toán xác định đơn giá xuất kho rồi lập phiếu xuất kho.

Để xác định giá vốn hàng bán theo phương pháp nhập trước xuất trước, Công ty tính giá xuất kho như sau :

Tồn đầu kỳ : 2 bộ máy nước nóng năng lượng mặt trời ống dầu khía – 180L với đơn giá là 12.250.000 đ/ bộ

Ngày 03/05/2018, Nhập 3 bộ máy nước nóng NLMT ống dầu khía – 180L với đơn giá là : 12.380.000 đ / bộ

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá} \\ \text{xuất kho} \\ \text{ngày 3/5} \end{array} = 12.250.000 \times 2 + 12.380.000 \times 1 = 36.880.000 \text{ đ}$$

Định khoản :

Nợ TK 632 : 36.880.000 đ

Có TK 156 : 36.880.000 đ

Căn cứ vào Phiếu xuất kho. Kế toán ghi sổ nhật ký chung từ nhật ký chung vào sổ cái 156, sổ cái 632

Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Biểu số 2.10 : Phiếu xuất kho 000221

Đơn vị: Công ty TNHH TM Hoàng
Tín Phát
Địa chỉ: 597 Nguyễn Văn Linh, Hải
Phòng

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của
Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 03 tháng 05..năm 2018 Nợ ..632.....

Số:...XK000221... Có ..156.....

- Họ và tên người nhận hàng: Công ty cổ phần và thương mại sao Hải Phòng
- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng Công ty cổ phần và thương mại sao Hải Phòng - Xuất tại kho (ngăn lô): Hàng hóa...Địa điểm : Công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát

S T T	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Máy nước nóng năng lượng mặt trời ống dầu khóa 180L	NN DK 180	Bộ	2	2	12.250.000	24.500.000
				1	1	12.380.000	12.380.000
	Cộng	x	x	3	3	x	36.880.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ):Ba mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng.

- Số chứng từ gốc kèm theo :

Ngày 03 tháng 05 năm 2018

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.11: Sổ nhật ký chung.

Công ty TNHH thương mại Hoàng Tín Phát
Địa chỉ: số 597 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, HP
BTC

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo TT 200/2014/QĐ-
BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài

Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
		<u>SD ĐK</u>				
.....
PXK19 9	01/05	Giá vốn bán hàng chậu rửa mặt lavabo Inax AL- 333V	632	156	6.125.000	6.125.000
PXK200	02/05	Giá vốn bán hàng gạch vân gỗ S609 KT 30*30m2	632	156	15.487.025	15.487.025
NTTK0 175	02/05	Công ty cổ phần Việt thanh toán tiền hàng	1121	131	103.878.225	103.878.225
PXK22 1	03/05	Giá vốn bán hàng máy nước nóng NLMT ống dầu khí 180L	632	156	36.880.000	36.880.000
.....
		Cộng phát sinh			90.251.464.832	90.251.464.832

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.12 : Sổ cái tài khoản 632

Đơn vị: Công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát

Mẫu số S03b – DN

Địa chỉ: Số 597 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, HP (Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**Năm 2018****Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán**

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có

01/05	PXK199	01/05	Bồn rửa mặt lavabo Inax AL – 333V	156	6.125.000	
02/05	PXK200	02/05	Gạch vân gỗ S609A 30*30 m2	156	15.487.025	
...
03/05	PXK221	03/05	Máy nước nóng NLMT ống dầu khí 180L	156	36.880.000	
..
16/05	PXK248	16/05	Gương hobig trắng bạc Korea 50*70	156	1.800.000	
..
31/12	PKT0154	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		8.878.148.365
			<u>Công số phát sinh</u>		<u>8.878.148.365</u>	<u>8.878.148.365</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.4 Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát.

Chi phí này phát sinh tại doanh nghiệp chủ yếu là những chi phí cho việc quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và phục vụ chung khác liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm :

- Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận quản lý
- Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý doanh nghiệp, chi phí hành chính...
- Chi phí mua văn phòng phẩm
- Lệ phí ngân hàng
- Tiền internet, tiền điện thoại, tiền điện.....
- Chi phí bằng tiền khác : Chi phí tiếp khách....

2.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Bảng thanh toán lương
- Phiếu chi, giấy báo có của ngân hàng
- Bảng tính và phân bổ khấu hao....

2.2.4.2 Tài khoản sử dụng

TK 641 : Chi phí bán hàng

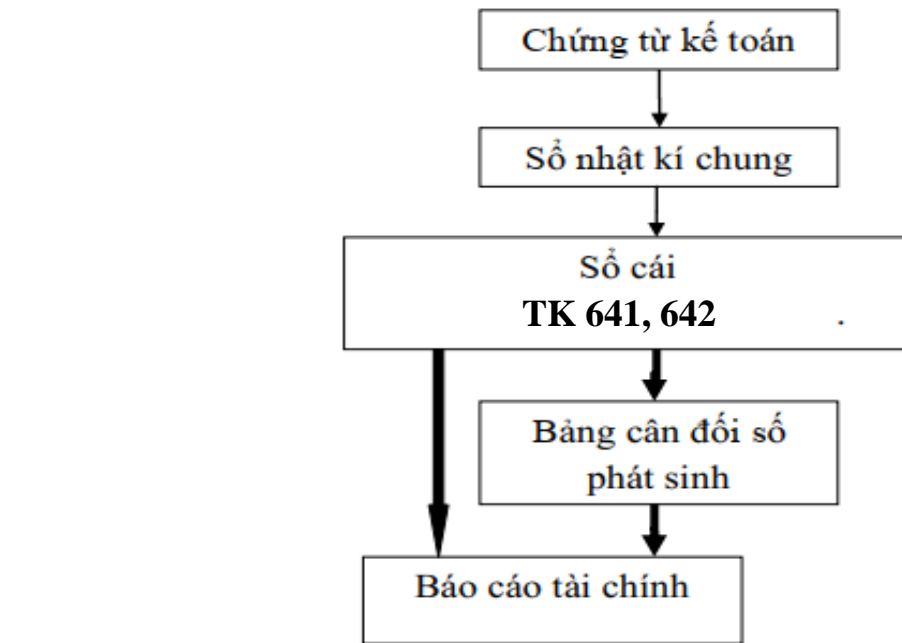
TK 642 : Chi phí quản lý kinh doanh

Các tài khoản liên quan : TK 111, 112, 131, ,133, 334.

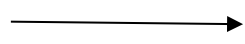
Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 641, 642 và các sổ sách có liên quan....

2.2.4.3 Trình tự hạch toán .

2.2.4.4 Quy trình hạch toán.



Ghi chú



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ.

Sơ đồ 2.5 : Quy trình ghi sổ chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát.

Ví dụ 4 : Ngày 27/05/2018 , công ty thanh toán tiền điện thoại trả ngay bằng tiền mặt : 687.982 đ (bao gồm cả thuế)

Định khoản :

Nợ TK 642 : 625.438


Nợ TK 133 : 62.544

Có TK 111 : 687.982

Căn cứ vào HD3005768 (**Biểu số 2.13**) Kế toán lập phiếu chi số 387 (**Biểu số 2.14**) Kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.17**). Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 632 (**Biểu số 2.18**)

Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Biểu số 2.13: Hóa đơn GTGT 3005768

		HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)		Mẫu số:01GTKT2/001																	
3005768		TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)		Ký hiệu(Serial No):AA/15P																	
Liên 2:Giao cho người mua (Customer copy)				Số (No): 3005768																	
Mã số thuế:		<table border="1"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>2</td><td>8</td><td>7</td><td>9</td><td>7</td><td>7</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>				0	2	0	0	2	8	7	9	7	7						
0	2	0	0	2	8	7	9	7	7												
Viễn thông Hải Phòng 03036537042015																					
Địa chỉ:Ngô Quyền Hải Phòng																					
Tên khách hàng(Customer's name) Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tin Phát																					
Địa chỉ(Address): Số 597 Nguyễn Văn Linh , Hải Phòng																					
Số điện thoại(Tel):0316586620Mã số (code): HPG-03-036537(T5DHA3)																					
Hình thức thanh toán(Kind of Payment): TM		MST:		<table border="1"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>1</td><td>1</td><td>1</td><td>5</td><td>2</td><td>0</td><td>1</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>		0	2	0	1	1	1	5	2	0	1						
0	2	0	1	1	1	5	2	0	1												
STT(NO)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG(KIND OF SERVICE)	ĐVT(UNIT)	SỐ LƯỢNG(QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN(AMOUNT) VND																
1	2	3	4	5	6=4x5																
	Kỳ cước tháng:5/2018 a.Cước dịch vụ Viễn thông b.Cước dịch vụ viễn thông không thuế c.Chiết khấu+Đa dịch vụ d.Khuyến mãi e.Trừ đặt cọc+trích thường+nợ cũ				625.438																
(a+b+c+d)		Cộng tiền dịch vụ (Total)(1):																			
Thuế suất GTGT (VAT rate):10%x(1)=				Tiền thuế GTGT																	
(1+2+e)		Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total)(1+2):			62.544																
					687.982																
Số tiền viết bằng chữ (In words):																					
Ngày 27 tháng 05 năm 2018																					
Người nộp tiền ký(Signature of payer)			Nhân viên giao dịch ký(Signature of dealing staff)																		

Biểu số 2.14 : Phiếu chi 0000387 (Nguồn : Phòng kế toán Công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát)

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát.		Mẫu số: 01 – TT		
Địa chỉ: Số 597 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng		(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)		
PHIẾU CHI		Quyển số: ...2.....		
		Số: ... 387		
Ngày 27 tháng 05 năm 2018.		Nợ : 642,133		
		Có : 111		
Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thanh Huyền				
Địa chỉ : : Phòng kế toán				
Lý do chi : ...Thanh toán tiền cước mạng Internet tháng 05/2018.....				
Số tiền:687.982 đ.....				
(Viết bằng chữ):Sáu trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi hai đồng /.....				
Kèm theo:HĐ3005768...				
Ngày 27 tháng 05 năm 2018				
Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Sáu trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi hai đồng.				
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):				
+ Số tiền quy đổi :				

Ví dụ 5 : Ngày 30/05, công ty thanh toán chi phí tiếp khách cho Công ty Cổ phần du lịch khách sạn Hải Đăng.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000583 (**Biểu số 2.15**). Kế toán lập phiếu chi (**Biểu số 2.16**). Kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.17**).

Định khoản :

Nợ TK 642 : 6.000.000 đ

Nợ TK 133 : 600.000 đ

Có TK 111 : 6.600.000 đ

Biểu số 2.15 : HĐ GTGT 0000583

HOA ĐƠN		Mẫu số : 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu : AA/16P			
Liên 3: Giao cho khách hàng		Số : 0000583			
Ngày 30 tháng 05 năm 2018					
Đơn vị bán hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH KHÁCH SẠN HẢI ĐĂNG					
Mã số thuế : 0106339755					
Địa chỉ : Số 1 Trần Khánh Dư, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng.					
Điện thoại : 0225.3831555					
Số tài khoản :					
Họ tên người mua hàng :					
Tên đơn vị : Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát					
Mã số thuế : 0201115201					
Địa chỉ : Số 157 Nguyễn Văn Linh , Hải Phòng.					
Hình thức thanh toán : TM..... Số tài khoản :					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1x2
1	Tiếp khách				6.000.000
Cộng tiền hàng :					6.000.000
Thuế suất GTGT : 10% Tiền thuế GTGT :					600.000
Tổng cộng tiền thanh toán :					6.600.000
Số tiền viết bằng chữ : <i>Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn ./.</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

Biểu số 2.14 : Phiếu chi 0000389 (*Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát*)

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát. Địa chỉ: Số 597 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng		Mẫu số: 01 – TT (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)		
<h2 style="margin: 0;">PHIẾU CHI</h2> <p style="margin: 0;"><i>Ngày 30 tháng 05 năm 2018.</i></p>		Quyền số: ...2..... Số: ... 389 Nợ : 642,133 Có : 111		
Họ và tên người nhận tiền: Đỗ Mỹ Linh Địa chỉ: : Phòng kế toán Lý do chi: ...Thanh toán chi phí tiếp khách Số tiền:6.600.000 đ..... (Viết bằng chữ):Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn /..... Kèm theo:HĐ 0000583				
<i>Ngày 30 tháng 05 năm 2018</i>				
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn.				
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):				
+ Số tiền quy đổi :				

Biểu số 2.17: Sổ nhật ký chung.

Công ty TNHH thương mại Hoàng Tín Phát

Mẫu số:S03a-DN

Địa chỉ:số 597 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân ,HP (Ban hành theo TT 200/2014/QĐ-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
		<u>SD ĐK</u>				
.....
NVK00 0158	10/05	Trích lương phải trả cho nhân viên bán hàng tháng 4/2018	641	334	25.696.158	
PC301	12/05	Mua văn phòng phẩm cho bộ phận bán hàng	641 133	1111	3.325.000 332.500	3.657.500
...
PC387	27/05	Thanh toán tiền mạng Internet VNPT tháng 5/2018	642 133	1111	625.438 62.544	687.982
...
PC389	30/05	Thanh toán chi phí tiếp khách	642 133	1111	6.000.000 600.000	6.600.000
.....
		Cộng phát sinh			90.251.464.832	90.251.464.832

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.12a : Trích số cái tài khoản 641

Đơn vị: Công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát

Mẫu số S03b – DN

Địa chỉ: Số 597 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, HP

(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI****Năm 2018****Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng**

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có

10/05	NVK0015 8	10/05	Trả tiền lương cho bộ phận bán hàng tháng 4/2018	334	25.696.158	
12/05	PC301	12/05	Mua văn phòng phẩm cho bộ phận bán hàng	1111	3.657.500	
...
31/12	PKT00013 9	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		734.887.224
			<u>Công số phát sinh</u>		734.887.224	734.887.224

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu*(Ký, ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(Ký, ghi rõ họ tên)*

Biểu số 2.12b : Trích số cái tài khoản 642

Đơn vị: Công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát

Mẫu số S03b – DN

Địa chỉ: Số 597 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, HP

(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI****Năm 2018****Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp**

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có

10/05	NVK00158	10/05	Trích lương phải trả cho nhân viên văn phòng tháng 4/2018	334	38.696.158	
27/05	PC387	27/05	Thanh toán tiền mạng Internet tháng 5/2018	1111	691.282	
...
30/05	PC389	30/05	Thanh toán chi phí tiếp khách	1111	6.600.000	
...
31/12	PKT000139	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		877.594.331
			Công số phát sinh		877.594.331	877.594.331

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.5 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát.

Việc xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng, nó phản ánh tình hình kinh doanh của công ty trong năm là lợi nhuận hay lỗ. Kết quả này được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo này rất quan trọng không chỉ cho nhà quản lý mà còn cho đối tượng quan tâm khác : cục thuế, ngân hàng.... Vì vậy báo cáo phải được phản ánh một cách chính xác, kịp thời, toàn diện và khách quan. Nội dung báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát bao gồm :

- Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Kết quả hoạt động tài chính
- Kết quả hoạt động khác
- Kết quả sản xuất kinh doanh của công ty được xác định trong niên độ tài chính là một năm từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm theo quy định của Nhà nước và được thể hiện trên Báo cáo tài chính.

2.2.5.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

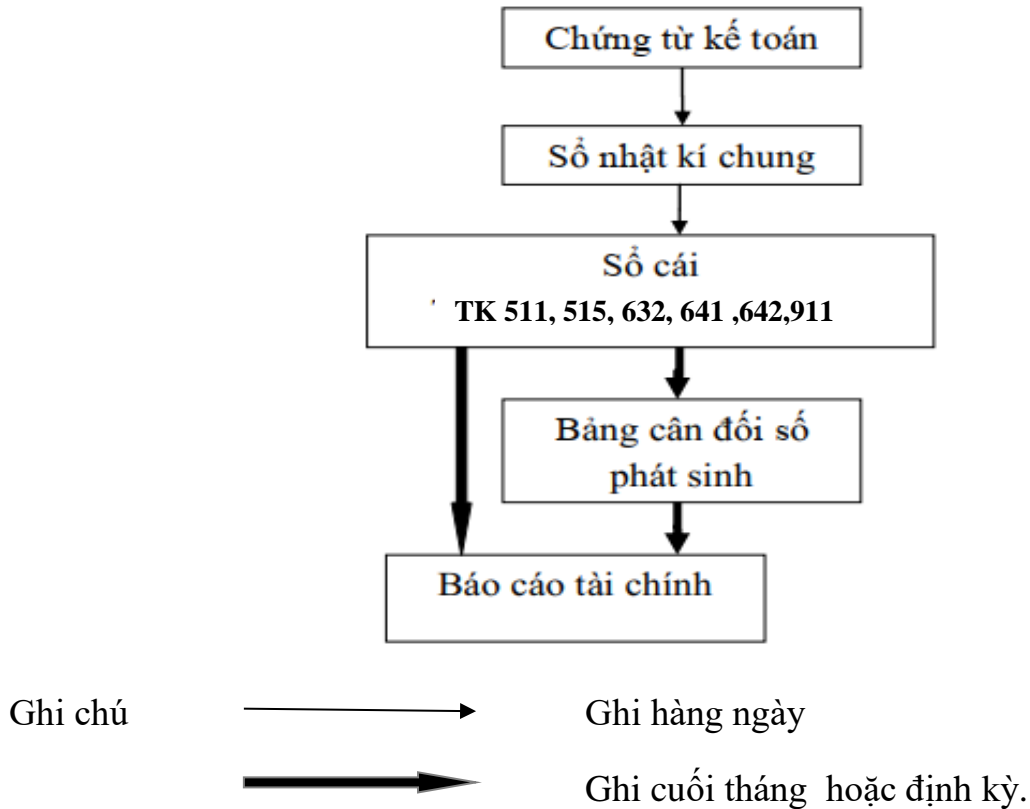
2.2.5.2 Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái các TK 911, 421, 511, 515, 632, 641, 642, 821.

2.2.5.3 Tài khoản sử dụng

- TK 911 : Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421 : Lợi nhuận chưa phân phối
- Các tài khoản có liên quan : TK 511, 515, 632, 642, 821.

2.2.5.4 Quy trình hạch toán



Trình tự hạch toán

Cuối kỳ, tập hợp số liệu từ sổ cái của các tài khoản và sổ sách có liên quan, kế toán hạch toán các bút toán kết chuyển thông qua việc lập phiếu kế toán và xác định kết quả kinh doanh.

Sau đó căn cứ các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, chi phí thuế TNDN kế toán vào sổ Nhật ký chung rồi vào sổ cái các tài khoản : TK 911, 821, 421 .Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Ví dụ 6 : Ngày 31/12/2018 : các bút toán kết chuyển cuối năm 2018 và xác định kết quả kinh doanh.

Biểu số 2.19: Phiếu kế toán 00138 (Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát).

Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát
597 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng.
MST : 0201115201

PHIẾU KẾ TOÁN
Số : 138
Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	11.042.958.178
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.758.148
	Cộng			11.044.716.326

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.20: Phiếu kế toán 00139 (Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát).

Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát
597 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng.
MST : 0201115201

PHIẾU KẾ TOÁN
Số : 139
Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	8.878.148.365
2	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	734.887.224
2	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	877.601.331
	Cộng			10.490.636.920

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.21: Phiếu kế toán 00140 (Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát).

Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát
597 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng.
MST : 0201115201

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 140

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền
1	Thuế TNDN phải nộp	821	3334	110.815.881
	Cộng			110.815.881

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.22: Phiếu kế toán 00141 (Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát).

Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát
597 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng.
MST : 0201115201

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 141

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền
1	Thuế TNDN phải nộp	911	821	110.815.881
	Cộng			110.815.881

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.23: Phiếu kế toán 00142 (Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát).

Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát
597 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng.
MST : 0201115201

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 142

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế năm 2018	911	421	443.263.525
	Cộng			443.263.525

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.24 : Sổ nhật ký chung (Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát).

Công ty TNHH thương mại Hoàng Tín Phát

Mẫu số:S03a-DN

Địa chỉ:số 597 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân ,HP

(Ban hành theo TT 200/2014/QĐ-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
		SD ĐK				
.....
PKT138	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính	511 515	911	11.042.958.178 1.758.148	11.044.716.326
PKT139	31/12	Kết chuyển giá vốn bán hàng, CPBH, CPQLDN	911	632 641 642	10.490.636.920	8.878.148.365 734.887.224 877.601.331
PKT140	31/12	Chi phí thuế TNDN	821	3334	110.815.881	110.815.881
PKT141	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN phải nộp	911	821	110.815.881	110.815.881
PKT142	31/12	Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh	911	421	443.263.525	443.263.525
		Cộng phát sinh			90.251.464.832	90.251.464.832

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.25 : Trích số cái tài khoản 911

Đơn vị: Công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát

Mẫu số S03b – DN

Địa chỉ: Số 597 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, HP

(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI****Năm 2018****Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
31/12	PKT138	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		11.042.958.178
31/12	PKT138	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		1.758.148
31/12	PKT139	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	8.878.716.326	
31/12	PKT139	31/12	Kết chuyển CPBH	641	734.887.224	
31/12	PKT139	31/12	Kết chuyển CPQLDN	642	877.601.331	
31/12	PKT141	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	110.815.881	
31/12	PKT142	31/12	Kết chuyển lãi	421	443.263.525	
			<u>Cộng số phát sinh</u>		<u>11.044.716.326</u>	<u>11.044.716.326</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.26 : Sổ cái 821

Đơn vị: Công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát

Mẫu số S03b – DN

Địa chỉ: Số 597 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, HP

(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI****Năm 2018****Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
31/12	PKT140	31/12	Chi phí thuế TNDN phải nộp	3334	110.815.881	
31/12	PKT141	31/12	Kết chuyển Thuế TNDN	911		110.815.881
			<u>Cộng số phát sinh</u>		<u>110.815.881</u>	<u>110.815.881</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu*(Ký, ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(Ký, ghi rõ họ tên)*

Biểu số 2.27 : Trích sổ cái 421 (Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát).

Đơn vị: Công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát

Mẫu số S03b – DN

Địa chỉ: Số 597 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, HP

(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2018

Tài khoản 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			<u>140.945.649</u>
...
31/12	PKT142	31/12	Lợi nhuận sau thuế	911		443.263.525
			<u>Công số phát sinh</u>		<u>120.071.524</u>	<u>443.263.525</u>
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			<u>464.137.650</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.28 : Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đơn vị : Công ty TNHH Thương mại
Hoàng Tín Phát
Địa chỉ : Số 597 Nguyễn Văn Linh, Lê
Chân, Hải Phòng
MST : 0201115201

Mẫu số : B02 -DN

(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/BTC ngày 22/12/2014 của
BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHỈ TIÊU	M Ã	Thuy ết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	2	3	4	5
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		11.042.958.178	9.565.150.532
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		11.042.958.178	9.565.150.532
4.Giá vốn hàng bán	11		8.878.148.365	8.206.816.632
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ.	20		2.164.809.813	1.358.333.900
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.758.148	1.103.056
7.Chi phí tài chính	22		0	0
-Trong đó : Chi phí lãi vay.	23		0	0
8.Chi phí bán hàng	25		734.887.224	534.872.144
9.Chi phí quản lý kinh doanh	26		877.601.331	648.382.751
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30 = 20+21-22-24}	30		554.079.406	176.182.061
11.Thu nhập khác	31		0	0
12.Chi phí khác	32		0	0
13. Lợi nhuận khác	40		0	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		554.079.406	176.182.061
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		110.815.881	35.236.412
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
15.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		443.263.525	140.945.649
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu				
19.Lãi suy giảm trên cổ phiếu				

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM HOÀNG TÍN PHÁT****3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát:**

- Công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực nội thất nhà ở, vật liệu xây dựng. Trong thời kì kinh tế phát triển hiện nay, công ty đã và đang có những bước tiến xa hơn trong lĩnh vực hoạt động của mình. Vì vậy, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ngày càng cần phải được hoàn thiện hơn.

- Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát đã đạt được những ưu điểm song cũng còn tồn tại một số nhược điểm. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phải tìm cách phát huy những điểm mạnh và hạn chế, khắc phục những điểm yếu để công tác kế toán ngày càng hiệu quả hơn.

3.1.1. Ưu điểm

- Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý:
 - o Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời, nhanh chóng cho các cấp quản lý.
 - o Đội ngũ cán bộ công nhân viên năng động, ham học hỏi, có trình độ và bộ máy lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm đến cán bộ nhân viên trong công ty.
- Về tổ chức bộ máy kế toán:
 - o Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty trong thời kỳ hiện nay.
 - o Nhận sự trong phòng kế toán được sắp xếp hợp lý, khoa học, phân công nhiệm vụ rõ ràng; mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát toàn bộ công tác kế toán của công ty. Đội ngũ kế toán trong công ty là những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm lâu năm, nên phản ánh nhanh chóng, kịp thời, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán hiệu quả, phục vụ tốt công tác quản lý.

- Về việc tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính:

○ Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

○ Về hệ thống tài khoản kế toán: Hệ thống tài khoản kế toán do Bộ tài chính ban hành theo TT số 200/2014/QĐ – BTC được công ty áp dụng đầy đủ, việc mở các tài khoản chi tiết cũng rất hợp lý và khoa học.

○ Về hình thức kế toán: Công ty áp dụng hình thức “Nhật ký chung”. Hình thức kế toán này có ưu điểm đơn giản, dễ áp dụng, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian và định khoản.

○ Về báo cáo tài chính: Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

– Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

○ Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty được áp dụng đúng theo chế độ kế toán ban hành theo thông tư số 200/2014/QĐ-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán liên quan như chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu nhập khác, chuẩn mực số 17 về thuế thu nhập doanh nghiệp....

○ Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đầy đủ, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

○ Về tổ chức kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh được công ty ghi chép một cách đầy đủ, chính xác; giúp công ty quản lý chặt chẽ được các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ phát sinh; từ đó đưa ra những biện pháp điều chỉnh chi phí một cách hợp lý để tăng lợi nhuận của công ty.

○ Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về tình hình kinh doanh của công ty.

3.1.2. Hạn chế

- Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty còn bộc lộ những hạn chế sau:

- Thứ nhất, về công tác ghi chép sổ sách kế toán:

Công tác kế toán tại đơn vị vẫn được thực hiện một cách thủ công, tiến hành bằng tay mặc dù có sự hỗ trợ của Excel nhưng việc phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh, luân chuyển chứng từ còn chậm, dễ gặp phải những sai sót, giảm hiệu quả của công việc.

○ **Về hệ thống sổ sách kế toán:**

Hệ thống sổ sách của công ty còn thiếu và sơ sài. Công ty đã không lập sổ chi tiết tài khoản 642 nên khó theo dõi được nội dung các khoản mục chi phí phát sinh trong kỳ, từ đó công tác quản lý chi phí quản lý doanh nghiệp chưa thật sự hiệu quả.

○ **Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:**

Việc trích lập các khoản dự phòng đồng nghĩa với việc dự kiến trước các tổn thất, để khi những rủi ro kinh tế bất ngờ xảy ra công ty có nguồn kinh phí hợp lý kịp thời cho những rủi ro này, hoạt động kinh doanh sẽ không phải chịu những ảnh hưởng nặng nề, không phải chịu những tổn thất không đáng có. Tuy nhiên hiện tại, công ty có phát sinh các khoản nợ đã quá hạn thanh toán nhưng công ty lại chưa tiến hành trích lập dự phòng cho khoản này cũng như chưa xóa sổ những khoản nợ được xác định là không đòi được.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát:

- Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát ngoài những mặt tích cực thì về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn có những mặt hạn chế như đã trình bày ở trên. Vì vậy, em xin đưa ra một số kiến nghị để một phần nào đó hoàn thiện hơn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty như sau:

Kiến nghị 1:

- Sử dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán. Tại Công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát, công tác hạch toán kế toán được thực hiện thủ công. Máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel tính lương trong bảng thanh toán lương, khấu hao TSCĐ hàng tháng. Khi sử dụng phần mềm kế toán, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác, kịp thời, tiết kiệm sức lao động mà hiệu quả công

việc cao, các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản thuận lợi, an toàn hơn. Vì vậy, Công ty cần quan tâm hơn trong việc đầu tư các phần mềm kế toán cho phù hợp với điều kiện thực tế tại Công ty.

- Công ty nên mua một số phần mềm kế toán hiệu quả đang có mặt trên thị trường: Misa, Fast, Smart. Công ty cũng có thể đặt hàng với các công ty cung cấp phần mềm để họ viết phần mềm kế toán theo yêu cầu của công ty. Dưới đây là một số phần mềm công ty có thể tham khảo:

* Phần mềm kế toán Fast Accounting: <http://www.fast.com.vn>

Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 13.000 khách hàng. Fast Accounting với 4 phiên bản đáp ứng cho các loại hình doanh nghiệp: dịch vụ, thương mại, xây lắp, sản xuất. Phần mềm này được phát triển trên công nghệ của Microsoft, ngôn ngữ lập trình là C#.NET, cơ sở dữ liệu là SQL Server, có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet.



*Phần mềm kế toán MISA : <http://www.misa.com.vn/>

MISA SME.NET 2017 là phần mềm luôn được cải tiến cho phù hợp với chế độ kế toán của các doanh nghiệp, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán. MISA SME.NET 2017 phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại; Dịch vụ; Xây lắp; Sản xuất. Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy

định của Tổng cục Thuế. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan Thuế.



Kiến nghị 2:

- Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán Việc công ty cũng không mở sổ chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp theo yếu tố chi phí nên gây khó khăn cho công tác quản trị chi phí. Để việc theo dõi và quản lý chi phí quản lý doanh nghiệp được thực hiện tốt thì kế toán công ty nên mở chi tiết tài khoản 642 nhằm theo dõi chi phí phát sinh theo yếu tố và ứng với mỗi yếu tố chi phí là tài khoản được mở chi tiết tương ứng:

- Tài khoản 642 có thể mở chi tiết thành các tài khoản cấp 2 như:

o TK 6421 : Chi phí nhân viên quản lý(lương và các khoản trích theo lương)

o TK 6423: Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng

o TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định

o TK 6426: Chi phí dự phòng

o TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài (tiền điện, tiền nước...)

o TK 6428 : Chi phí bằng tiền khác (chi phí tiếp khách, công tác phí...)

Qua việc mở chi tiết các tài khoản chi phí trên, sẽ giúp cho công ty dễ dàng theo dõi một cách chi tiết các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh

trong kỳ kế toán. Từ đó, giúp nhà quản trị có thể thấy được những khoản chi phí nào phát sinh nhiều, vượt quá mức để có thể đưa ra những giải pháp kịp thời để giúp tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả, tránh lãng phí, nâng cao lợi nhuận cho công ty.

Biểu số 3.3: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.

TNHH TM Hoàng Tín Phát
Số 597 Nguyễn Văn Linh, quận Lê Chân, TP Hải Phòng

Mẫu số: S18-DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 642 – chi phí quản lý doanh nghiệp

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản Đối Ứng	Ghi nợ tài khoản...					
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra				
						6421	6422	6423	6424	...
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	
			Số phát sinh trong kì							
			...							
			Cộng số phát sinh trong kì							

Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngày ... tháng ... năm...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Kiến nghị 3: Về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

- Dự phòng phải thu khó đòi: Là dự phòng phần giá trị tổn thất của các khoản nợ phải thu khi quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán. Hiện tại, công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cũng như xóa sổ những khoản không đòi được. Vì vậy, trong thời gian tới công ty nên tiến hành trích lập

khoản này để đảm bảo nguyên tắc thận trọng. Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi như sau:

a) Điều kiện trích lập dự phòng phải thu khách hàng:

○ Khoản nợ gốc có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: Hợp đồng kinh tế, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

○ Các khoản không để căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

○ Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế.

+ Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

b) Phương pháp xác định kế toán dự phòng giảm thu khó đòi.

+ Công ty phải theo dõi riêng và thu hồi các khoản của con nợ đúng hạn, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn phải chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng. Công ty nên trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi để tránh những rủi ro trong kinh doanh khi khách hàng không có khả năng thanh toán. Mức trích lập theo quy định của chế độ kế toán hiện hành như sau:

○ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm.

○ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

○ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

○ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn 3 năm trở lên.

- Chứng từ sử dụng: Chứng từ gốc, đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: Hợp đồng kinh tế và các chứng từ khác.

- Tài khoản sử dụng: TK 229(3)- Dự phòng phải thu khó đòi.

- Kết cấu tài khoản 229(3):

Bên nợ:

Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi Xử lý các khoản phải thu khó đòi đã lập cuối năm trước.

Bên có:

Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý kinh doanh.

Số dư bên có: Số dự phòng các khoản phải thu khó đòi hiện có cuối năm.

Trình tự hạch toán:

- Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được, tính mức dự phòng nợ phải thu khó đòi cần lập lần đầu.

Nợ TK 642: Số tiền trích lập dự phòng

Có TK 229(3): Số tiền trích lập dự phòng

- Cuối kỳ kế toán sau, nếu khoản dự phòng phải lập ở kỳ này lớn hơn số đã lập. Kế toán sẽ phải trích lập thêm:

Nợ TK 642: Số tiền trích lập thêm

Có TK 229(3): Số tiền trích lập thêm

- Cuối kỳ kế toán sau, nếu khoản dự phòng phải lập ở kỳ này nhỏ hơn số đã lập. Kế toán sẽ phải hoàn nhập phần chênh lệch:

Nợ TK 229(3): Số tiền hoàn nhập

Có TK 642: Số tiền hoàn nhập

- Đối với các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được:

Nợ TK 111, 112... : Số tiền thực tế đã thu hồi được

Có TK 711 : Số tiền thực tế đã thu hồi được

- Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự không đòi được sẽ được phép xóa nợ theo chính sách tài chính hiện hành:

Nợ TK 229(3): (nếu đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 (nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131,138

Ví dụ: Ngày 31/12/2018, kế toán tiến hành lập dự phòng nợ phải thu khó đòi trên Báo cáo tình hình công nợ như sau:

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN 31/12/2018 (Trích)

Tên Khách hàng	Số tiền	Thời gian quá hạn	Mức trích lập
Công ty xây dựng Đặng Hùng	100.000.000	7 tháng	30.000.000
Công ty chuyển dọn Phuong Nga	11.985.350	13 tháng	5.992.675
Công ty TNHH TM Ánh Bình	205.210.650	27 tháng	143.647.455
Công ty Cổ phần Hùng Phát	22.500.000	55 tháng	22.500.000
	Tổng		202.140.130

Căn cứ vào bảng trên mức cần trích lập dự phòng theo quy định là: 202.140.130 đồng. Kế toán ghi như sau:

Nợ TK 642: 202.140.130

Có TK 229(3): 202.140.130

- Từ bút toán trên kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung và các sổ sách có liên quan.

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh có vị trí rất quan trọng trong công tác kế toán của Doanh nghiệp. Việc xác định, phản ánh kịp thời, chính xác, chi tiết, cụ thể doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp cho nhà quản trị nắm được tình hình tài chính của công ty và đưa ra được những phương hướng phát triển đúng đắn trong doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát cùng với những kiến thức đã được học tại trường, em đã nhận thức được vai trò của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng. Có thể nói, khóa luận đã nêu được ra các vấn đề cơ bản sau:

Về lý luận, bài viết đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Về thực tiễn, bài viết đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2018).

Về mặt giải pháp, bài viết đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.